

Số: *363* /TB-DHTCQTKD

Hưng Yên, ngày *25* tháng *10* năm 2022

THÔNG BÁO
Về công khai các hoạt động của Trường Đại học
Tài chính - Quản trị kinh doanh - Năm học 2022 - 2023

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục quốc dân, Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh công khai các nội dung thuộc hoạt động của Nhà trường trong năm học 2022 - 2023 như sau:

1. Về nội dung công khai

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

– Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường năm học 2022 - 2023 (Biểu mẫu 17).

– Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường năm học 2021 – 2022 (Biểu mẫu 18)

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

– Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2022 - 2023 (Biểu mẫu 19).
– Công khai thông tin đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường năm học 2022 - 2023 (Biểu mẫu 20).

1.3. Công khai thu chi tài chính năm học 2022 - 2023 (Biểu mẫu 21).

2. Về hình thức công khai: Công khai trên trang thông tin điện tử của Trường (<https://ufba.edu.vn/>) và công khai tại Trường.

Phòng Quản lý đào tạo chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan đưa Thông báo công khai trên lên Cổng TTĐT của trường và thực hiện việc theo dõi, tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý của Nhà trường./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- BGH, CTHĐT;
- Các đơn vị;
- CTTĐT Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

BIỂU MẪU 17
Công khai cam kết chất lượng đào tạo Trường Đại học Tài chính-QLTKD
Năm học 2022-2023

(Kèm theo Thông báo số ~~763~~ /TB-ĐHTCQTKD ngày ~~25~~ tháng ~~10~~ năm 2022)

A. TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

STT	Nội dung	Trình độ Thạc sĩ
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none">➤ Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước➤ Phương thức tuyển sinh: Tổ chức xét tuyển đối với người Việt Nam, xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học Thạc sĩ tại trường.➤ Chỉ tiêu tuyển sinh: 100➤ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:<ol style="list-style-type: none">1. Về văn bằng và năng lực ngoại ngữ<ol style="list-style-type: none">a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (bao gồm: bài nghiên cứu đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học trong và ngoài nước có mã số ISSN, ISBN; thành viên tham gia đề tài nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền phê duyệt).b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.2. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.3. Có đủ sức khoẻ để học tập.➤ Tổ chức xét tuyển đối với tuyển sinh theo phương thức xét tuyển<p>Hội đồng tuyển sinh họp đánh giá hồ sơ thí sinh đối với tuyển sinh theo phương thức xét tuyển.</p><ol style="list-style-type: none">1. Tiêu chí cho điểm xét tuyển:<p>Hồ sơ xét tuyển của thí sinh được đánh giá theo thang điểm 100 với các tiêu chí sau đây:</p><ul style="list-style-type: none">- Mức xếp hạng tốt nghiệp đại học: Tiêu chí này nhằm đánh giá năng lực học tập của thí sinh thông qua kết quả học tập đã đạt được ở bậc đại học (đối với thí sinh dự tuyển từ trình độ đại học và tương đương). Việc đánh giá và cho điểm dựa trên điểm trung bình chung toàn khóa các học phần ở bậc đào tạo đại học.- Nghiên cứu khoa học: Tiêu chí này nhằm đánh giá năng lực nghiên cứu khoa học của thí sinh thông qua các kết quả nghiên

		<p>cứ khoa học đã đạt được. Việc đánh giá và cho điểm dựa trên các nghiên cứu khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài nghiên cứu đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học trong và ngoài nước có chỉ số ISSN, ISBN; + Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền nghiệm thu; + Các công bố khoa học nêu trên có liên quan quan đến lĩnh vực mà thí sinh đăng ký dự tuyển. <p>- Kinh nghiệm công tác: Tiêu chí này nhằm đánh giá kinh nghiệm làm việc của thí sinh thông qua thời gian công tác.</p> <p>Hiệu trưởng quy định cụ thể thang điểm cho từng tiêu chí xét tuyển trong đề án, thông báo tuyển sinh hàng năm.</p> <p>2. Nguyên tắc xét tuyển:</p> <p>Nguyên tắc xét điểm từ cao đến thấp theo tổng điểm xét tuyển các tiêu chí nêu trong khoản 1 của điều này. Trường hợp các sinh viên có mức điểm xét tuyển bằng nhau và phải lựa chọn để không vượt chỉ tiêu tuyển sinh thì Hội đồng tuyển sinh áp dụng các tiêu chí phụ để xét ưu tiên theo thứ tự các tiêu chí như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thí sinh đã có bằng thạc sĩ trở lên; b) Điểm trung bình chung toàn khóa bậc đại học theo thang điểm 4. Trường hợp bằng điểm của thí sinh theo thang điểm 10 thì quy đổi theo thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo đại học hiện hành; c) Điểm xét tuyển nghiên cứu khoa học của người dự tuyển. d) Kinh nghiệm công tác.
II	Mục tiêu kiến thức, chuẩn đầu ra	<p>1. Mục tiêu</p> <p>1.1 Mục tiêu chung</p> <p>Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng có kiến thức chuyên môn sâu, hiện đại về tài chính - ngân hàng; có năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề thực tiễn phức tạp trong công việc, có khả năng nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo, có năng lực điều hành và thực hiện các hoạt động của các tổ chức tài chính – ngân hàng và các tổ chức xã hội khác.</p> <p>1.2. Mục tiêu cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT1: Mở rộng, nâng cao và cập nhật cho học viên các kiến thức cơ sở đã được đào tạo ở bậc đại học ngành Tài chính - Ngân hàng; - MT2: Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; - MT3: Có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng; - MT4: Có được kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá

chính sách và sử dụng các công cụ chính sách tài chính – ngân hàng trong lĩnh vực chuyên môn; có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề tài chính - ngân hàng ở tầm vĩ mô;

- MT5: Có kỹ năng nghiên cứu độc lập; kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp trong giải quyết công việc hàng ngày;

- MT6: Có đạo đức, có trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp;

- MT7: Có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Yêu cầu về kiến thức

2.1.1 Kiến thức chung

- CDR1: Liên hệ được các kiến thức cơ sở đã được đào tạo ở bậc đại học ngành Tài chính - Ngân hàng. Hiểu biết đầy đủ về thực trạng và xu hướng thay đổi của hoạt động kinh tế quốc gia và quốc tế.

- CDR2: Lựa chọn và vận dụng tốt các công cụ, chỉ tiêu phân tích kinh tế chủ yếu.

2.1.2 Kiến thức chuyên ngành

- CDR3: Liên hệ thực tế những kiến thức nâng cao về tài chính tiền tệ, về ngân hàng trung ương và quản trị các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng, hoạt động tài chính doanh nghiệp, phân tích đầu tư tài chính - chứng khoán, quản trị danh mục đầu tư, về pháp luật trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng...

- CDR4: Phân tích được cấu trúc, cơ chế vận hành và quản lý của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường

- CDR5: Đánh giá được các chính sách tài chính và đề xuất các chính sách nhằm phát triển hệ thống tài chính, góp phần vào sự ổn định và phát triển nền kinh tế

2.2 Yêu cầu về kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp

- CDR6: Sắp xếp lại và ra quyết định trong quản trị các tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính- ngân hàng; phân tích, đánh giá dự án đầu tư, giúp lãnh đạo đưa ra quyết định lựa chọn dự án đầu tư; lập và phân tích các báo cáo tài chính phục vụ công tác quản trị tài chính doanh nghiệp; quản trị danh mục đầu tư; xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế và kiểm soát rủi ro tài chính doanh nghiệp.

- CDR7: Chỉ ra và chủ động thực hiện các chế độ, các chuẩn mực, chính sách, quy định, luật pháp về quản lý kế toán, tài chính, thuế, bảo hiểm trong hoạt động của doanh nghiệp.

- CDR8: Nắm vững các chính sách vĩ mô liên quan đến hoạt động tài chính- ngân hàng.

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<ul style="list-style-type: none"> - CDR9: Giải quyết các công việc tài chính đặc thù của công ty đa quốc gia. - CDR10: Tư duy, phản biện, nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng. - CDR11: Thiết kế và tổ chức thực hiện tốt các chiến lược, chính sách và kế hoạch cho các tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính- ngân hàng <p>2.2.2 Kỹ năng chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR12: Phát triển kỹ năng tiếp cận các khoa học chuyên ngành, nghiên cứu các vấn đề khoa học liên quan ở cấp độ phù hợp với trình độ đào tạo. - CDR13: Nắm vững kỹ năng viết và trình bày về một vấn đề khoa học trọn vẹn. - CDR14: Nắm vững quy định luật pháp, quản lý trong giải quyết các vấn đề về kinh tế. - CDR15: Thiết kế phân tích định lượng, thống kê thông qua việc ứng dụng các phần mềm phân tích kinh tế lượng, thống kê và toán - CDR16: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo thuộc ngành đào tạo. - CDR17: Kết hợp đánh giá và phản biện vấn đề trên cơ sở khoa học với các luận cứ chắc chắn. - CDR18: Đạt tới kỹ năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ Bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo <p>2.3 Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR19: Tôn trọng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp - CDR20: Phối hợp xử lý hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể, tổ chức và quốc gia - CDR21: Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp <p>CDR22: Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>Các chế độ chính sách cho học viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các học viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. - Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công

		<p>ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. - Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Thời gian đào tạo: 2 năm ➤ Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ trong và ngoài nước cùng ngành đào tạo hoặc ngành đào tạo gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp. - Có khả năng tiếp cận với quy định, quy trình công việc cụ thể đối với các vị trí được đảm nhận. - Có khả năng học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên cơ quan thanh tra giám sát, chuyên viên nghiên cứu, xây dựng chính sách tiền tệ và các chính sách khác về tiền tệ ngân hàng tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam. - Chuyên viên tài chính- ngân hàng: Quản lý tín dụng, Quản lý tài sản- nợ, Quản lý tài chính, Quản lý rủi ro, Quản lý danh mục đầu tư... - Chuyên viên quản lý tài chính tại các doanh nghiệp. - Chuyên viên kinh doanh chứng khoán. - Chuyên viên quản lý quỹ. - Nghiên cứu viên và Giảng viên

B. TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

STT	Nội dung	Trình độ đại học
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Theo Đề án tuyển sinh của Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, trong đó:</p> <p>a. Đại học chính quy</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước ➤ Phương thức tuyển sinh Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh thực hiện phương án tuyển sinh theo phương thức xét tuyển thẳng (phương thức 1), xét tuyển trên cơ sở kết quả thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia (phương thức 2) và xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập lớp 12 trung học phổ thông (phương thức 3). ➤ Chỉ tiêu tuyển sinh: 1060 ➤ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: <ul style="list-style-type: none"> ○ Phương thức 1: Xét tuyển thẳng đối với những thí sinh thuộc các đối tượng được quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Quy chế tuyển sinh). ○ Phương thức 2 - Đối với xét tuyển trên cơ sở kết quả thi THPT - Tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 và có kết quả

thi theo các tổ hợp môn thi áp dụng cho xét tuyển các ngành đào tạo của Trường phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng do Trường quy định.

○ **Phương thức 3 - Đối với xét kết quả học tập THPT hoặc tương đương**

- Tổng điểm xét tuyển của 3 môn học thuộc một trong các tổ hợp môn học áp dụng cho xét tuyển các ngành đào tạo của Trường theo cả 3 hình thức phải đạt từ **18.00 điểm trở lên (bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực)**.

➤ **Tổ hợp xét tuyển:**

- Ngành Kinh tế: A00, A01, D01, C04
- Ngành Tài chính-Ngân hàng: A00, A01, D01, C14
- Ngành Quản trị kinh doanh: A00, A01, D01, C04
- Ngành Kế toán: A00, A01, D01, C03
- Ngành Kiểm toán: A00, A01, D01, C03
- Ngành Kinh doanh quốc tế: A00, A01, D01, C14
- Ngành Hệ thống thông tin quản lý: A00, A01, D01, C01

b. Liên thông đại học chính quy

➤ **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước

➤ **Phương thức tuyển sinh**

Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh thực hiện phương án tuyển sinh theo phương thức:

- Xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập trung học phổ thông, đối với liên thông đại học chính quy đối với người đã có trung cấp, cao đẳng.

- Xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập trung học phổ thông, kết quả học tập bậc đại học đối với liên thông đại học chính quy đối với người đã có bằng đại học.

➤ **Chỉ tiêu tuyển sinh: 192**

➤ **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:**

- Đối với liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học chính quy: Đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả học THPT: Tổng điểm xét tuyển của 3 môn học thuộc một trong các tổ hợp môn học áp dụng cho xét tuyển các ngành đào tạo của Trường theo cả 3 hình thức phải đạt từ 18.00 điểm trở lên (bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực).

- Đối với liên thông đại học chính quy đối với người đã có bằng đại học:

+ Xét tuyển theo kết quả học tập THPT Điểm bình quân 3 học kỳ: Học kỳ 1, học kỳ 2 Lớp 11 và học kỳ 1 Lớp 12 của 3 môn hoặc Điểm tổng kết cả năm lớp 12 của 3 môn thuộc một trong các tổ hợp xét tuyển theo các ngành tuyển sinh đạt từ 18.00 trở lên (bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực).

+ Xét tuyển theo kết quả học tập ở bậc đại học: Theo điểm TBC toàn khóa học: Điểm TBCTL toàn khóa học đạt từ 2,00 điểm (thang điểm 4) hoặc đạt từ 5.00 (thang điểm 10) trở lên.

		<p>➤ Tổ hợp xét tuyển:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành Tài chính-Ngân hàng: A00, A01, D01, C14 - Ngành Quản trị kinh doanh: A00, A01, D01, C04 - Ngành Kế toán: A00, A01, D01, C03 <p>c. Đại học vừa làm vừa học</p> <p>➤ Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước</p> <p>➤ Phương thức tuyển sinh</p> <p>Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh thực hiện phương án tuyển sinh theo phương thức xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập trung học phổ thông, Xét kết quả các môn văn hóa THPT theo tổ hợp môn (áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT) (phương thức 3).</p> <p>➤ Chỉ tiêu tuyển sinh: 110</p> <p>➤ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:</p> <p>Tổng điểm xét tuyển của 3 môn học thuộc một trong các tổ hợp môn học áp dụng cho xét tuyển các ngành đào tạo của Trường theo cả 3 hình thức phải đạt từ 15.00 điểm trở lên (bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực).</p> <p>d. Liên thông đại học vừa làm vừa học</p> <p>Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh thực hiện phương án tuyển sinh theo phương thức xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập trung học phổ thông, xét kết quả các môn văn hóa THPT theo tổ hợp môn (áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT).</p> <p>➤ Chỉ tiêu tuyển sinh: 90</p> <p>➤ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:</p> <p>Tổng điểm xét tuyển của 3 môn học thuộc một trong các tổ hợp môn học áp dụng cho xét tuyển các ngành đào tạo của Trường theo cả 3 hình thức phải đạt từ 15.00 điểm trở lên (bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực).</p>
NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG		
II	<p>Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <p>1.1. Mục tiêu chung:</p> <p>Đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội và quản trị, quản lý; có kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và các kỹ năng khác để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; có năng lực tự học tập, nghiên cứu nhằm bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.</p> <p>1.2. Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT1: Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia; - MT2: Có được những kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội vào lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng;

		<ul style="list-style-type: none">- MT3: Phân tích được những vấn đề chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng;- MT4: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp: hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến tài chính tại các đơn vị, tổ chức của nền kinh tế trong điều kiện kinh doanh cạnh tranh và hội nhập quốc tế;- MT5: Sử dụng được ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng, phương pháp, công cụ liên quan để phục vụ công việc;- MT6: Có kỹ năng làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực nghiệm, tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.- MT7: Có khả năng cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và học tập nâng cao trình độ.- MT8: Hình thành năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và hội nhập quốc tế. <p>2. Chuẩn đầu ra</p> <p>2.1 Yêu cầu về kiến thức</p> <p>2.1.1 Kiến thức chung</p> <ul style="list-style-type: none">- CDR1: Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng- an ninh thể thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận dụng nguyên lý, kỹ thuật của các môn học giáo dục thể chất vào việc rèn luyện, nâng cao sức khỏe để xây dựng và phát triển đất nước.- CDR2: Áp dụng những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, tin học, ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu của công việc trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.- CDR3: Vận dụng được các kiến thức thuộc khối ngành Kinh doanh và quản lý giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.- CDR4: Sử dụng được các công cụ, phần mềm tin học trong thực hành công việc, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. <p>2.1.2 Kiến thức chuyên ngành</p> <ul style="list-style-type: none">- CDR5: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng, hoạt động của thị trường chứng khoán, hoạt động tài chính khu vực Nhà nước, hoạt động tài chính doanh nghiệp, hoạt động thẩm định giá.- CDR6: Phân tích được cấu trúc, cơ chế vận hành và quản lý của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường.- CDR7: Đánh giá được các chính sách tài chính và đề xuất các chính sách nhằm phát triển hệ thống tài chính, góp phần vào
--	--	--

		<p>sự ổn định và phát triển nền kinh tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR8: Giải quyết được các vấn đề về thuế, các chính sách thuế, các luật thuế cụ thể; tuân thủ các quy trình quản lý thuế của cơ quan thuế, các quy định về lập hồ sơ kê khai thuế; các kiến thức liên quan để quy trình hạch toán kế toán thuế. <p>2.2 Yêu cầu về kỹ năng</p> <p>2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR9: Nắm vững vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá. - CDR10: Phát triển kiến thức lý luận hình thành các giả thuyết; thu thập, phân tích và xử lý thông tin trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá. - CDR11: Giải quyết thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá. - CDR12: Kết hợp kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá... <p>2.2.2. Kỹ năng chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR13: Sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ từ Bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - CDR14: Phát triển kỹ năng làm việc độc lập; kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian. - CDR15: Xây dựng và quản trị nhóm, ra quyết định trong công việc và các hoạt động khác của nhóm. Quản lý được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của thành viên trong nhóm. - CDR16: Chủ động trong giao tiếp, thể hiện quan điểm cá nhân để giải quyết vấn đề và công việc. - CDR17: Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc. <p>2.3 Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR18: Tôn trọng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp. - CDR19: Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp. - CDR20: Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp. - CDR21: Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
III	Các chính sách,	1. Các chế độ chính sách cho sinh viên:

	hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <p>5. Hoạt động của Khoa Tài chính – Ngân hàng: Cuộc thi Sắc màu Tài chính, Tri ân thầy cô, Tọa đàm nghệ Ngân hàng, Giải bóng đá</p>
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (có quy định riêng).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau. - Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan. - Đủ khả năng học bậc sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) của các chuyên ngành kinh tế, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên ở tất cả các vị trí trong các cơ quan quản lý Nhà nước về Tài chính – Ngân hàng từ Trung ương đến địa phương; - Chuyên viên trong các doanh nghiệp thuộc ngành Tài chính – Ngân hàng và các định chế tài chính trung gian; - Giảng viên, nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, trường đại học khối ngành kinh doanh – quản lý - Các tư vấn viên trong các tổ chức tài chính khác.

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Mục tiêu</p> <p>1.1 Mục tiêu chung</p> <p>Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh theo hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có kỹ năng mềm và năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.</p>
----	--	--

1.2. Mục tiêu cụ thể

- MT1: Có ý thức về đạo đức, có sức khỏe, có trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia;
- MT2: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn vào lĩnh vực quản trị kinh doanh;
- MT3: Hiểu biết và áp dụng được các kiến thức chuyên sâu về phân tích môi trường, thiết lập và phát triển các chiến lược, kế hoạch kinh doanh, vận dụng được kiến thức để tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp trong các lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, quản trị marketing và quản trị kinh doanh du lịch;
- MT4: Sử dụng được ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng, phương pháp, công cụ liên quan để có thể làm việc trong môi trường đa ngành và đa văn hóa; có khả năng cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và học tập nâng cao trình độ;
- MT5: Có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và hội nhập quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Yêu cầu về kiến thức

2.1.1 Kiến thức chung

- CDR1: Vận dụng những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

- CDR2: Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng và vận dụng nguyên lý kỹ thuật của các môn giáo dục thể chất như điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông, ...

- CDR3: Vận dụng các kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

- CDR4: Nắm vững và áp dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản lý, kế toán và quản trị kinh doanh vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- CDR5: Sử dụng được các công cụ, phần mềm tin học trong thực hành công việc, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2.1.2 Kiến thức chuyên ngành

		<ul style="list-style-type: none"> - CĐR6 : Vận dụng kiến thức cơ bản trong quản trị kinh doanh để phân tích, đánh giá, tham gia đề xuất và thực hiện các kế hoạch kinh doanh, marketing, nhân sự, tài chính, ... của doanh nghiệp - CĐR7: Phân tích và vận dụng các kiến thức chuyên sâu, hiện đại về quản trị doanh nghiệp, quản trị marketing và quản trị kinh doanh du lịch - CĐR8: Đánh giá được môi trường kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành và kinh doanh của các tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa - CĐR9: Đề xuất các ý tưởng và dự án khởi nghiệp kinh doanh <p>2.2 Yêu cầu về kỹ năng</p> <p>2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐR10: Thực hiện được kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, dự báo phục vụ cho công tác quản trị kinh doanh - CĐR11: Lập kế hoạch quản trị kinh doanh như: kế hoạch sản xuất và tác nghiệp, kế hoạch nhân sự, kế hoạch marketing, kế hoạch tài chính,... - CĐR12: Tổ chức triển khai các kế hoạch kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa - CĐR13: Đánh giá kết quả triển khai các kế hoạch kinh doanh, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp <p>2.2.2 Kỹ năng chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐR14: Sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ từ Bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - CĐR15: Hợp tác, làm việc nhóm để đạt được mục tiêu chung của tổ chức trong môi trường đa văn hóa - CĐR16: Chủ động trong giao tiếp, truyền đạt vấn đề và giải quyết công việc. - CĐR17: Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian <p>2.3 Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐR18: Tuân thủ pháp luật, các chuẩn mực về đạo đức, đạo đức kinh doanh - CĐR19: Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp. - CĐR20: Tự chủ và sẵn sàng chịu trách nhiệm trong công việc - CĐR21: Có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ	<p>1. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	học tập, sinh hoạt cho người học	<p>khẩn, gia đình chính sách.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <p>5. Hoạt động của Khoa Quản trị kinh doanh tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đấu trường Quản trị - Gala Sinh viên tri ân thầy cô - Giải bóng đá nam, nữ - FBA Couple - Nhà Quản trị tương lai
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (có quy định riêng).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau. - Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan. - Đủ khả năng học bậc sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) của các chuyên ngành kinh tế, Quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<p>Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có khả năng đảm nhận công việc chuyên môn như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên kinh doanh hoặc quản lý kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; chuyên viên xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; phát triển thị trường; - Chuyên viên và quản lý đào tạo và quản lý nhân lực; tuyển dụng nhân sự. - Chuyên viên hoặc quản lý marketing trong doanh nghiệp: nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược, kế hoạch marketing, tổ chức sự kiện; phát triển và quản trị thương hiệu; chăm sóc khách hàng và quan hệ công chúng; - Chuyên viên và quản lý kinh doanh du lịch, sales tour, điều hành tour, ... trong các doanh nghiệp lữ hành, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; - Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân mình;

		<ul style="list-style-type: none"> - Tự tạo lập doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân mình; - Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về quản trị kinh doanh tại các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.
--	--	---

NGÀNH KẾ TOÁN

II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Mục tiêu</p> <p>1.1. Mục tiêu chung Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị tốt, sức khỏe tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, có đạo đức nghề nghiệp kế toán; có trách nhiệm với xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế- xã hội, quản lý và kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.</p> <p>1.2. Mục tiêu cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT1: Có phẩm chất chính trị tốt, sức khỏe tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, có đạo đức nghề nghiệp kế toán; có trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia; - MT2: Vận dụng tốt những kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội, quản trị, quản lý và kinh doanh vào lĩnh vực kế toán; - MT3: Vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán trong mọi loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và các đơn vị hành chính sự nghiệp; - MT4: Có khả năng thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán; - MT5: Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cơ bản, thông thạo phần mềm chuyên dụng và sử dụng được ngoại ngữ (Tiếng Anh) trong công việc. - MT6: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp kế toán; - MT7: Hình thành năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và học tập nâng cao trình độ; có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và hội nhập quốc tế. <p>2. Chuẩn đầu ra</p> <p>2.1 Yêu cầu về kiến thức</p> <p>2.1.1 Kiến thức chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR1: Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng- an ninh để thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận dụng nguyên lý, kỹ thuật của các môn học giáo dục thể chất vào việc rèn luyện, nâng cao sức khỏe để xây dựng và phát triển đất nước.
----	--	---

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	<p>- CDR2: Vận dụng những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để đáp ứng yêu cầu của chuyên môn kế toán</p> <p>- CDR3: Vận dụng kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô để giải thích và suy đoán, dự báo về các sự kiện kinh tế xã hội trong nền kinh tế, trong các tình huống kinh tế cơ bản; nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô; mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô</p> <p>- CDR4: Vận dụng các kiến thức về kinh tế thống kê, tài chính tiền tệ, marketing, pháp luật kinh tế... để giải thích, xử lý, điều hành các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong đơn vị kế toán</p> <p>- CDR5: Sử dụng thành thạo Tiếng Anh kinh tế để nghiên cứu các tài liệu nước ngoài liên quan phục vụ các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong đơn vị kế toán.</p> <p>- CDR6: Sử dụng thành thạo các công cụ, phần mềm tin học trong thực hành công việc, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.</p> <p>2.1.2 Kiến thức chuyên ngành</p> <p>- CDR7: Vận dụng kiến thức về luật, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, thuế... vào hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp và tổ chức.</p> <p>- CDR8: Vận dụng kiến thức kế toán để thực hiện, thiết lập hệ thống thông tin kế toán theo yêu cầu quản trị và yêu cầu kế toán, đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, tổ chức và hội nhập quốc tế.</p> <p>- CDR9: Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán - kiểm toán của các doanh nghiệp, tổ chức: Đánh giá mức độ tuân thủ chế độ kế toán, tình hình tài chính; phân tích, đánh giá một số quy trình kiểm toán và kiểm soát nội bộ; dự báo tài chính doanh nghiệp.</p> <p>2.2 Yêu cầu về kỹ năng</p> <p>3.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp</p> <p>- CDR10: Thực hiện thành thạo việc lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp.</p> <p>- CDR11: Thực hiện thành thạo việc lập các báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp.</p> <p>- CDR12: Thực hiện thành thạo các phần mềm kế toán, kế toán trên Excel: nhập dữ liệu kế toán, xử lý thông tin trên phần mềm kế toán, cung cấp thông tin kế toán hữu ích cho nhu cầu quản trị doanh nghiệp và yêu cầu cung cấp thông tin kế toán.</p> <p>- CDR13: Phân tích tài chính doanh nghiệp, tư vấn cho các lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng</p>
--	--

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR14: Lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp; - CDR15: Thực hiện thành thạo việc lập, kê khai, quyết toán thuế trong các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp; - CDR16: Thực hiện thành thạo việc lập và phân tích dự toán, kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, phân tích tài chính, phân tích kinh doanh, phân tích kế toán một số nội dung chủ yếu. <p>2.2.2 Kỹ năng chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR17: Sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ từ Bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - CDR18: Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian. - CDR19: Xây dựng và quản trị nhóm, ra quyết định trong công việc và các hoạt động khác. Quản lý được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của thành viên trong nhóm. - CDR20: Chủ động trong giao tiếp, thể hiện quan điểm cá nhân để giải quyết vấn đề và công việc. - CDR21: Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc. <p>2.3 Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR22: Chấp hành đúng quy định pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác; có tinh thần tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Có năng lực triển khai công tác kế toán của kế toán trưởng. - CDR23: Tôn trọng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp; có trách nhiệm với công việc được giao; chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ; quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>1. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng.

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <p>5. Hoạt động của Khoa Kế toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Cuộc thi SV Kế toán - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ, riêng chuyên ngành Kế toán- Tin là 129 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (<i>có quy định riêng</i>).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao về chứng chỉ kế toán, kiểm toán trong và ngoài nước; - Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau. - Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan. - Đủ khả năng học bậc sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) của các chuyên ngành kinh tế, kế toán, quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán viên, kế toán tổng hợp tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước; đơn vị HCSN và các các tổ chức. - Nhân viên tư vấn kế toán, thuế và tài chính trong các công ty tư vấn thuế. - Có khả năng đảm nhiệm vị trí kế toán trưởng hoặc có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong doanh nghiệp, tổ chức (khi có kinh nghiệm thực tiễn). - Tự tạo lập công ty dịch vụ kế toán để tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân. - Cử nhân ngành Kế toán nếu được phát triển chuyên môn đào tạo ở trình độ sau đại học có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên về kế toán tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, viện nghiên cứu về kế toán, kiểm toán.

NGÀNH KIỂM TOÁN

II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Mục tiêu</p> <p>1.1. Mục tiêu chung</p> <p>Đào tạo cử nhân ngành Kiểm toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế- xã hội, quản lý và kinh doanh; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán, kiểm toán; có năng lực</p>
----	--	---

làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- MT1: Có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia;
- MT2: Vận dụng tốt những kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội, quản trị, quản lý và kinh doanh vào lĩnh vực kiểm toán;
- MT3: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán trong mọi loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- MT4: Thiết kế và điều hành hệ thống kiểm toán trong các đơn vị kiểm toán;
- MT5: Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cơ bản, phần mềm chuyên dụng và ngoại ngữ (Tiếng Anh) vào trong công việc.
- MT6: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp kế toán;
- MT7: Hình thành năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và học tập nâng cao trình độ; có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và hội nhập quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra**2.1 Yêu cầu về kiến thức****2.1.1 Kiến thức chung**

- CDR1: Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng- an ninh thể thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; nguyên lý, kỹ thuật của các môn học giáo dục thể chất vào việc rèn luyện, nâng cao sức khỏe để xây dựng và phát triển đất nước
- CDR2: Vận dụng những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để đáp ứng yêu cầu của chuyên môn kế toán trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
- CDR3: Vận dụng kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô để giải thích và suy đoán, dự báo về các sự kiện kinh tế xã hội trong nền kinh tế, trong các tình huống kinh tế cơ bản.
- CDR4: Vận dụng các kiến thức về kinh tế thống kê, tài chính tiền tệ, marketing, pháp luật kinh tế... để nghiên cứu các môn học chuyên ngành Kiểm toán.
- CDR5: Sử dụng thành thạo Tiếng Anh kinh tế để nghiên cứu các tài liệu nước ngoài liên quan phục vụ các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ kiểm toán.
- CDR6: Sử dụng thành thạo các công cụ, phần mềm tin học trong thực hành công việc, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

		<p>2.1.2 Kiến thức chuyên ngành</p> <ul style="list-style-type: none">- CDR7: Vận dụng có hiệu quả kiến thức về kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính trong các bối cảnh khác nhau.- CDR8: Hạch toán chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các loại hình doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp.- CDR9: Đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp.- CDR10: Đánh giá được hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp và tổ chức.- CDR11: Tổ chức được công tác kiểm toán các khoản mục báo cáo tài chính hay chu trình cụ thể. <p>2.2 Yêu cầu về kỹ năng</p> <p>2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none">- CDR12: Thực hiện thành thạo việc lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp.- CDR13: Thực hiện thành thạo việc lập các báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp.- CDR14: Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp, vận dụng tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong đơn vị.- CDR15: Phân tích tài chính doanh nghiệp, tư vấn cho các lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp.- CDR16: Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính ở các phần hành cơ bản tương đương cấp độ trợ lý kiểm toán cấp 1.- CDR17: Điều tra chọn mẫu, lập và thiết kế giấy làm việc kiểm toán; đọc, phân tích báo cáo tài chính; tra phát hiện sai phạm và tư vấn. <p>2.2.2 Kỹ năng chung</p> <ul style="list-style-type: none">- CDR18: Sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ từ Bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.- CDR19: Phát triển kỹ năng làm việc độc lập; kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian.- CDR20: Xây dựng và quản trị nhóm, ra quyết định trong công việc và các hoạt động khác. Quản lý được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của thành viên trong nhóm.- CDR21: Chủ động trong giao tiếp, thể hiện quan điểm cá nhân để giải quyết vấn đề và công việc.- CDR22: Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi
--	--	--

		<p>trường làm việc.</p> <p>2.3 Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR23: Chấp hành đúng quy định pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác; có tinh thần tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. - CDR24: Tôn trọng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp; có trách nhiệm với công việc được giao; chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ; quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các chế độ chính sách cho sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. 2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín 3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. 4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ 5. Hoạt động của Khoa Kế toán: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Cuộc thi SV kế toán - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (có quy định riêng).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau. - Đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao và chứng chỉ Kế toán – Kiểm toán trong và ngoài nước; - Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan. - Đủ khả năng học bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các chuyên ngành kinh tế, Kế toán, Kiểm toán tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Trợ lý kiểm toán viên tại các công ty kiểm toán độc lập, cơ quan kiểm toán Nhà nước. - Kiểm soát viên, kiểm toán viên nội bộ, kế toán viên, nhân viên quản lý tài chính ở các ngân hàng thương mại, các doanh nghiệp và các cơ quan tổ chức. - Cử nhân ngành Kiểm toán nếu được phát triển chuyên môn đào tạo ở trình độ sau đại học có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên về kế toán, kiểm toán tại các trường, viện nghiên cứu về kế toán, kiểm toán.
----	-------------------------------	--

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Mục tiêu</p> <p>1.1. Mục tiêu chung</p> <p>Đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, nắm vững các kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế, xã hội và pháp luật; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kinh doanh quốc tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh doanh quốc tế có kỹ năng về tiếng Anh, kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên sâu về giải quyết vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh quốc tế. Cử nhân ngành kinh doanh quốc tế có năng lực tự nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc kinh doanh quốc tế, tự tin giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, tự chịu trách nhiệm trong công việc và có cơ hội tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các bậc đào tạo cao hơn.</p> <p>1.2. Mục tiêu cụ thể</p> <p>Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế đào tạo sinh viên trở thành một cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT1: Có ý thức về đạo đức, có sức khỏe, có trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức. - MT2: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, khoa học, xã hội, tin học, chính sách, luật pháp của Đảng và nhà nước trong lĩnh vực Kinh doanh quốc tế; - MT3: Có kỹ năng chuyên sâu về nghiệp vụ kinh doanh quốc tế, chính sách ngoại thương, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, vận tải, bảo hiểm ngoại thương, thanh toán quốc tế.... - MT4: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ; tự tin trong giao tiếp, có kỹ năng phân tích và làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, có khả năng thích nghi với sự thay đổi môi trường làm việc; có cơ hội tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các bậc đào tạo cao hơn. - MT5: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu và bổ sung các kiến thức mới đáp ứng yêu cầu công việc; Có ý thức, trách nhiệm
----	--	--

phục vụ cộng đồng, xã hội và hoạt động quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra**2.1 Yêu cầu về kiến thức****2.1.1 Kiến thức chung**

- CDR1: Vận dụng kiến thức cơ bản về Lý luận chính trị triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn

- CDR2: Hoàn thành các kiến thức về an ninh, quốc phòng, giáo dục thể chất để rèn luyện về tinh thần và thể chất

- CDR3: Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, pháp luật, tài chính, kế toán và marketing, quản trị liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- CDR4: Sử dụng được các công cụ, phần mềm tin học trong thực hành công việc, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2.1.2 Kiến thức chuyên ngành

- CDR5: Nhận biết được những điểm khác biệt cơ bản trong hoạt động kinh doanh ở thị trường trong nước và thị trường nước ngoài cũng như đặc điểm và xu hướng phát triển của hoạt động kinh doanh quốc tế

- CDR6: Vận dụng các kiến thức về tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, nghiệp vụ ngoại thương... để thực hiện các hoạt động kinh doanh quốc tế.

- CDR7: Hoạch định tổ chức và quản trị các hoạt động kinh doanh quốc tế trong các doanh nghiệp

- CDR8: Phân tích, đánh giá, dự đoán thị trường, xu hướng vận động và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định kinh doanh quốc tế

2.2 Yêu cầu về kỹ năng**2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp**

- CDR9: Thực hành các phương pháp và kỹ thuật để thu thập, phân tích, đánh giá dữ liệu và thông tin kinh doanh trong giải quyết các vấn đề kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng

- CDR10: Nắm vững quy trình thực hiện các tác nghiệp thương mại quốc tế

- CDR11: Thực hiện kỹ thuật đàm phán, giao dịch, lập báo cáo, thuyết trình, soạn thảo hợp đồng và thiết lập các văn bản chứng từ trong hoạt động ngoại thương

- CDR12: Điều chỉnh chiến lược, chính sách kinh doanh thương mại quốc tế

2.2.2 Kỹ năng chung

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<ul style="list-style-type: none"> - CĐR13: Sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ từ Bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - CĐR14: Thực hành và phối hợp các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, tổng hợp kinh nghiệm trong giải quyết các tình huống kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng. <p><i>2.3.3 Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐR15: Sinh viên có năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, phát triển nghề nghiệp - CĐR16: Hiểu biết về trách nhiệm xã hội, các vấn đề đạo đức và quyền công dân, chịu trách nhiệm và áp dụng trong hoạt động kinh doanh quốc tế
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các chế độ chính sách cho sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. 2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín 3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. 4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ 5. Hoạt động của Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (có quy định riêng).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau. - Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan. - Đủ khả năng học bậc sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) chuyên ngành Kinh doanh quốc tế và các ngành thuộc khối ngành kinh

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		tế, quản lý tại các cơ sở đào tạo ở Việt Nam.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên/ trưởng phòng kinh doanh xuất nhập khẩu/ thương mại trong tất cả các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. - Quản lý và giám sát bán hàng trong các công ty đa quốc gia/ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. - Nhân viên/ Trưởng phòng thanh toán quốc tế trong các ngân hàng thương mại. - Làm việc tại các đơn vị và tổ chức phi lợi nhuận quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, các quỹ đầu tư quốc tế. - Nhân viên/ quản lý tại các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp đối ngoại và hợp tác quốc tế. - Tự khởi nghiệp kinh doanh, tạo lập doanh nghiệp có liên quan đến kinh doanh quốc tế. - Cán bộ, giảng viên tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đào tạo đại học khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

NGÀNH KINH TẾ		
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Mục tiêu</p> <p>1.1. Mục tiêu chung</p> <p>Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý kinh tế; quản trị các tổ chức có hoạt động kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế có kỹ năng chuyên môn về quản lý kinh tế (kỹ năng nghiên cứu và dự báo, phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá, lựa chọn các mô hình kinh tế, đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế của tổ chức, ngành hay địa phương). Cử nhân ngành Kinh tế có tư duy độc lập, có năng lực nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc.</p> <p>1.2. Mục tiêu cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT1: Có ý thức về đạo đức, có sức khỏe, có trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức.. - MT2: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị, xã hội, pháp luật, an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất; Nắm vững kiến thức về tin học, có khả năng sử dụng các phần mềm tin học trong quản lý kinh tế; Có kiến thức trong lĩnh vực quản lý, quản trị các tổ chức có hoạt động kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế;

- MT3: Có kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá chính sách kinh tế của nền kinh tế, ngành hay địa phương;
- MT4: Có kỹ năng tư duy độc lập, làm việc nhóm; có khả năng sử dụng tiếng Anh trong hoạt động quản lý kinh tế phù hợp với thời kỳ hội nhập quốc tế;
- MT5: Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới, nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc; Có ý thức, trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và hoạt động quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra**2.1 Yêu cầu về kiến thức****2.1.1 Kiến thức chung**

- CDR1: Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN; kiến thức pháp luật Việt Nam; kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội để phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội trong thực tiễn;
- CDR2: Vận dụng những kiến thức cơ bản về toán kinh tế, tin học, pháp luật, kinh tế học, thống kê kinh tế, quản lý học... vào lĩnh vực quản lý kinh tế;
- CDR3: Hoàn thành các kiến thức an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất để tự rèn luyện về tinh thần và thể chất; phát hiện, đấu tranh, phòng chống những âm mưu của các thế lực thù địch, chống phá cách mạng Việt Nam trong tình hình mới;
- CDR4: Sử dụng được các công cụ, phần mềm tin học trong thực hành công việc, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2.1.2 Kiến thức chuyên ngành

- CDR5: Áp dụng được các quy luật kinh tế, pháp luật kinh tế, nguyên tắc quản lý kinh tế;
- CDR6: Giải quyết và vận hành các hoạt động kinh tế, quản lý kinh tế trong nền kinh tế thị trường;
- CDR7: Phân tích các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế trong phạm vi nền kinh tế, ngành, lĩnh vực và địa phương

2.2 Yêu cầu về kỹ năng**2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp**

- CDR8: Dự đoán trước sự biến động của nền kinh tế và tác động của các chính sách kinh tế đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế, ngành và địa phương
- CDR9: Phối hợp các phương pháp định tính và định lượng trong quá trình nghiên cứu, phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế cơ bản cũng như trong lĩnh vực quản lý kinh tế
- CDR10: Phân tích, xử lý thông tin trong quản lý kinh tế hiện nay

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>- CDR11: Hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá chính sách kinh tế</p> <p>2.2.2 Kỹ năng chung</p> <p>- CDR12: Sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ từ Bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>- CDR13: Áp dụng các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy độc lập, tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết tình huống kinh tế.</p> <p>2.3 Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>- CDR14: Chứng minh năng lực bản thân, lên kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, tích lũy kinh nghiệm và nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp.</p> <p>- CDR15: Thể hiện quan điểm cá nhân, hiểu biết về trách nhiệm xã hội.</p> <p>- CDR16: Tuân thủ pháp luật, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các chế độ chính sách cho sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. 2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín 3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. 4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ 5. Hoạt động của Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (có quy định riêng).
V	Khả năng học tập, nâng cao	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.

	trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan. - Đủ khả năng học bậc sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) của các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý, nghiên cứu và tư vấn trong các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương tới địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. - Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, giảng viên các trường đại học trong khối ngành kinh tế. - Nhân viên tư vấn cho các tổ chức tư vấn, các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ. - Tự thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật.

NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ		
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Mục tiêu</p> <p>1.1. Mục tiêu chung</p> <p>Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý theo hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, cập nhật về hệ thống thông tin quản lý; có đầy đủ các kỹ năng mềm và khả năng nghiên cứu tự bổ sung kiến thức thích ứng với môi trường làm việc.</p> <p>1.2. Mục tiêu cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT1: Có ý thức về đạo đức, có sức khỏe, trách nhiệm trong chuyên môn, nghề nghiệp cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia; - MT2: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, quản lý và quản trị kinh doanh vào xây dựng và vận hành hệ thống thông tin quản lý; - MT3: Có kiến thức chuyên sâu và cập nhật về công nghệ phần cứng, phần mềm, quản trị dữ liệu, mạng và truyền thông, bảo mật và an toàn dữ liệu ứng dụng trong thương mại điện tử và hệ thống thông tin kế toán; - MT4: Có kỹ năng xác định, phân tích, xây dựng và quản trị các hệ thống mạng và các hệ thống thông tin quản lý, kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức; - MT5: Sử dụng được ngoại ngữ, các kỹ năng, phương pháp, công cụ liên quan để có thể làm việc trong môi trường đa ngành và đa văn hóa; có khả năng cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và học tập nâng cao trình độ;

		<p>- MT6: Có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và hội nhập quốc tế.</p> <p>2. Chuẩn đầu ra</p> <p>2.1 Yêu cầu về kiến thức</p> <p>2.1.1 Kiến thức chung</p> <p>- CDR1: Vận dụng những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.</p> <p>- CDR2: Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng và vận dụng nguyên lý kỹ thuật của các môn giáo dục thể chất như điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông. ...</p> <p>- CDR3: Nắm vững và vận dụng các kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.</p> <p>- CDR4: Vận dụng kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản lý, kế toán, tài chính và quản trị kinh doanh trong công việc.</p> <p>2.1.2 Kiến thức chuyên ngành</p> <p>- CDR5: Vận dụng kiến thức về phần cứng, phần mềm, quản trị dữ liệu, mạng và truyền thông, bảo mật và an toàn dữ liệu ứng dụng trong thương mại điện tử và hệ thống thông tin kế toán.</p> <p>- CDR6: Phân tích các hệ thống thông tin trong tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p>- CDR7: Xây dựng cơ sở dữ liệu, lập trình, lựa chọn và sử dụng các công cụ đa phương tiện, mạng Internet.</p> <p>- CDR8: Thiết kế, xây dựng và quản trị các hệ thống mạng và các hệ thống thông tin trong quản lý, kinh doanh trong các doanh nghiệp và tổ chức.</p> <p>2.2 Yêu cầu về kỹ năng</p> <p>2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp</p> <p>- CDR9: Nắm vững quy trình và thực hiện chuyển giao, hướng dẫn sử dụng các phần mềm thông dụng trong thương mại điện tử và hệ thống thông tin kế toán.</p> <p>- CDR10: Lựa chọn phương án xây dựng và quản lý mạng máy tính, thiết kế web phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p>- CDR11: Xác định, phân tích, thiết kế, triển khai và vận hành các hệ thống thông tin.</p> <p>- CDR12: Lập phương án tổ chức hệ thống thông tin cho doanh nghiệp, tổ chức.</p>
--	--	--

		<p>2.2.2 <i>Kỹ năng chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR13: Sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ từ Bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - CDR14: Hợp tác, làm việc nhóm để đạt được mục tiêu chung của tổ chức trong môi trường đa văn hóa. - CDR15: Chủ động trong giao tiếp, truyền đạt vấn đề và giải quyết công việc. - CDR16: Có khả năng quản lý bản thân, quản lý thời gian. <p>2.3 <i>Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR17: Tuân thủ pháp luật, các chuẩn mực về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp. - CDR18: Định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp. - CDR19: Tự chủ và sẵn sàng chịu trách nhiệm trong công việc. - CDR20: Có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng.
III	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các chế độ chính sách cho sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. 2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín 3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. 4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ 5. Hoạt động của Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	<p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (có quy định riêng).
V	<p>Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể làm việc tại các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;

	ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Vận hành, bảo trì và phát triển hệ thống Kế toán, hệ thống thông tin phục vụ kinh doanh điện tử và các hệ thống thông tin quản lý khác; - Chuyên viên Kế toán, thương mại điện tử, marketing điện tử, quản trị quan hệ khách hàng điện tử; - Chuyên viên thu thập, lưu trữ, bảo mật, phân phối dữ liệu phục vụ kinh doanh điện tử; - Làm chuyên gia tư vấn về hệ thống thông tin trong các tổ chức, các công ty thuộc mọi loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp ngoại thương, doanh nghiệp thương mại điện tử, doanh nghiệp phần mềm, phần cứng trong lĩnh vực công nghệ thông tin; - Có khả năng làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học chuyên môn tại các trường và các cơ quan nghiên cứu khoa học, các viện nghiên cứu.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể làm việc tại các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin; - Làm chuyên gia tư vấn về hệ thống thông tin trong các tổ chức, các công ty thuộc mọi loại hình doanh nghiệp; - Làm quản lý hay chuyên gia hệ thống thông tin trong các công ty tin học, trung tâm thông tin hay công ty môi giới thông tin; - Làm giảng viên hệ thống thông tin quản lý trong các trường đại học.



T.S. Nguyễn Trọng Nghĩa

BIỂU MẪU 18
Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế
của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh
Năm học 2021-2022

(Kèm theo Thông báo số 763 /TB-ĐHTCQTKD ngày 25 tháng 10 năm 2022)

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại		
		Thạc sĩ	Đại học	
			Chính quy	Vừa làm vừa học
1	Khối ngành I	0	0	0
2	Khối ngành II	0	0	0
3	Khối ngành III	168	2.541	61
4	Khối ngành IV	0	0	0
5	Khối ngành V	0	0	0
6	Khối ngành VI	0	0	0
7	Khối ngành VII	0	20	0

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

I. Trình độ thạc sĩ

STT	Khối ngành	Số học viên tốt nghiệp
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	24
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	

II. Trình độ đại học

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	
1	Khối ngành I						
2	Khối ngành II						
3	Khối ngành III	753	85	187	438	43	81,26%
4	Khối ngành IV						
5	Khối ngành V						
6	Khối ngành VI						
7	Khối ngành VII						

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

I. Trình độ đào tạo Thạc sĩ

CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG		6		
1	Triết học nâng cao	3	Kỳ I	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
2	Phương pháp nghiên cứu KH	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH		42		
Kiến thức cơ sở của ngành và chuyên ngành		15		
3	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	3	Kỳ I	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
4	Lý thuyết tài chính-tiền tệ nâng cao	3	Kỳ I	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
5	Kinh tế lượng tài chính và ứng dụng	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
Các học phần tự chọn		6		
6	Kinh tế học hội nhập quốc tế	3	Kỳ II	Điểm QT: 20%

				Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
7	Chính sách công	3	Kỳ I	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
Kiến thức chuyên ngành		27		
<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>15</i>		
STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Tài chính quốc tế	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
9	Quản trị rủi ro tài chính	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
10	Tài chính doanh nghiệp	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
11	Quản trị ngân hàng thương mại	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
12	Quản lý tài chính công	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
<i>Các học phần tự chọn</i>		<i>12</i>		
13	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
14	Công cụ phái sinh	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
15	Kiểm toán các tổ chức tín dụng, ngân hàng	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
16	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
17	Luận văn Thạc sĩ	12	Kỳ IV	Luận văn: 100%
Tổng		60		

II. Trình độ đào tạo Đại học chính quy

1. Ngành Tài chính – Ngân hàng

a) Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	

5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			16			
Học phần bắt buộc			16			
1	001342	Tài chính - Tiền tệ HP2	2	2	0	
2	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
3	001092	Tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	001400	Bảo hiểm	3	3	0	
6	001350	Thuế	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			14			
Học phần bắt buộc			14			
1	001440	Tài chính doanh nghiệp HP2	3	2	1	
2	001452	Tài chính doanh nghiệp HP3	3	2	1	
3	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
4	001312	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	3	0	
5	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2	1	1	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Bổ trợ			25			
Học phần bắt buộc			20			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	004304	Tin học ứng dụng trong tài chính	3	2	1	
3	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
4	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
6	005162	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3	3	0	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	001471	Tài chính quốc tế	2	2	0	
3	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
4	001502	Tín dụng khách hàng doanh nghiệp	3	2	1	
5	001501	Tín dụng khách hàng cá nhân	2	2	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010011	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

b) Chuyên ngành Ngân hàng

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

Khối kiến thức: Ngành			13			
Học phần bắt buộc			13			
1	001342	Tài chính - Tiền tệ HP2	2	2	0	
2	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
3	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	001400	Bảo hiểm	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001502	Tín dụng khách hàng doanh nghiệp	3	2	1	
2	001501	Tín dụng khách hàng cá nhân	2	2	0	
3	001183	Quản trị kinh doanh ngân hàng	2	2	0	
4	001432	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	3	3	0	
5	001410	Kế toán ngân hàng thương mại HP1	3	3	0	
6	001503	Kế toán ngân hàng thương mại HP2	3	3	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
7	001192	Hệ thống thông tin ngân hàng	2	1	1	
Khối kiến thức: Bổ trợ			24			
Học phần bắt buộc			19			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001471	Tài chính quốc tế	2	2	0	
3	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
4	002220	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	005142	Thẩm định giá bất động sản	3	3	0	
6	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	005082	Kinh doanh bất động sản	2	2	0	
2	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
3	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
4	001350	Thuế	3	3	0	
5	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10	10	0	
1	010012	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

c) Chuyên ngành *Thâm định giá*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

Khối kiến thức: Ngành			13			
Học phần bắt buộc			13			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	001342	Tài chính - Tiền tệ HP2	2	2	0	
3	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	005062	Nguyên lý hình thành giá	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	005072	Nguyên lý thẩm định giá	2	2	0	
2	005130	Thẩm định dự án đầu tư	2	2	0	
3	005142	Thẩm định giá bất động sản	3	3	0	
4	005152	Thẩm định giá máy móc thiết bị	2	2	0	
5	005162	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3	3	0	
6	005172	Thẩm định giá tài sản sở hữu trí tuệ	2	2	0	
7	005180	Định giá xây dựng	2	2	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
8	009100	Pháp luật về định giá và thẩm định giá	2	2	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			24			
Học phần bắt buộc			19			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	005082	Kinh doanh bất động sản	2	2	0	
3	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
4	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
5	005090	Địa lý kinh tế	2	2	0	
6	005110	Hệ thống thông tin đất	2	2	0	
7	005120	Quy hoạch sử dụng đất	2	2	0	
8	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
2	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
3	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
4	001350	Thuế	3	3	0	
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10	10	0	
Học phần bắt buộc			10	10	0	
1	0110051	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

d) Chuyên ngành Thuế

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chú nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
			36			
Học phần bắt buộc						
Khởi kiến thức: Đại cương			38			
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xa hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khởi kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khởi kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
4	003251	Nguyên lý thông kê	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

Khối kiến thức: Ngành			12			
Học phần bắt buộc			12			
1	001342	Tài chính - Tiền tệ HP2	2	2	0	
2	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
3	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	001282	Lý thuyết về thuế	2	2	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
6	001382	Thuế tiêu dùng	3	3	0	
5	001372	Thuế thu nhập	3	3	0	
4	001362	Thuế tài sản và các khoản thu khác	3	3	0	
2	001292	Quản lý thuế HP1	3	3	0	
3	001302	Quản lý thuế HP2	2	2	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
1	001072	Hải quan	3	3	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			26			
Học phần bắt buộc			21			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
3	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
4	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
6	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
7	005072	Nguyên lý thẩm định giá	2	2	0	
8	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	001501	Tín dụng khách hàng cá nhân	2	2	0	
2	005130	Thẩm định dự án đầu tư	2	2	0	
3	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
4	001502	Tín dụng khách hàng doanh nghiệp	3	2	1	
5	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010013	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

2. Ngành Quản trị kinh doanh

a) Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

Khối kiến thức: Ngành			16			
Học phần bắt buộc			16			
1	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	2	0	
2	003272	Quản trị chiến lược	3	3	0	
3	003322	Quản trị nhân lực	3	3	0	
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	003053	Thống kê kinh tế	2	2	0	
6	003212	Khởi sự kinh doanh	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	003192	Quản trị sản xuất	3	3	0	
2	003310	Quản trị marketing	3	3	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
3	003293	Quản trị Logistics kinh doanh	3	3	0	
4	003262	Quản trị chất lượng	3	3	0	
5	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
6	003404	Quản trị doanh nghiệp thương mại	2	2	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			22			
Học phần bắt buộc			17			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
3	009140	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	2	2	0	
4	003060	Văn hóa doanh nghiệp	2	2	0	
5	003240	Quản trị văn phòng	2	2	0	
6	002220	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	003406	Quản trị giá	2	2	0	
2	005082	Kinh doanh bất động sản	2	2	0	
3	001350	Thuế	3	3	0	
4	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
5	009230	Kinh tế phát triển	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010031	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

b) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
3	006080	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

Khối kiến thức: Ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	003401	Đại cương khoa học và du lịch	3	3	0	
2	003272	Quản trị chiến lược	3	3	0	
3	003322	Quản trị nhân lực	3	3	0	
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	003053	Thống kê kinh tế	2	2	0	
6	003212	Khởi sự kinh doanh	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			15			
Học phần bắt buộc			15			
1	003409	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
2	003408	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3	0	
3	003411	Quản trị TOUR	3	3	0	
4	003415	Quản trị marketing du lịch và khách sạn	3	3	0	
5	003416	Thực hành quản trị kinh doanh du lịch	3	0	3	
Khối kiến thức: Bổ trợ			23			
Học phần bắt buộc			18			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
3	003402	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2	0	
4	007080	Tiếng Anh du lịch và khách sạn	3	3	0	
5	003060	Văn hóa doanh nghiệp	2	2	0	
6	003414	Quy hoạch và chính sách du lịch	3	3	0	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	003406	Quản trị giá	2	2	0	
2	001504	Thanh toán quốc tế	2	2	0	
3	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	2	0	
4	003262	Quản trị chất lượng	3	3	0	
5	001350	Thuế	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010032	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

c) Chuyên ngành Quản trị Marketing

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
3	006080	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

Khối kiến thức: Ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	003420	Nghiên cứu marketing	3	3	0	
2	003272	Quản trị chiến lược	3	3	0	
3	003322	Quản trị nhân lực	3	3	0	
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	003053	Thống kê kinh tế	2	2	0	
6	003212	Khởi sự kinh doanh	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	003407	Quản trị kênh phân phối	3	3	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
2	003403	Quản trị bán hàng	3	3	0	
3	003412	Quản trị thương hiệu	3	3	0	
4	003421	Truyền thông Marketing tích hợp	3	3	0	
5	003406	Quản trị giá	2	2	0	
6	003413	Quản trị và phát triển sản phẩm mới	2	2	0	
7	003419	Marketing trên internet	2	2	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			20			
Học phần bắt buộc			15			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001330	Tài chính - Tiền tệ HPI	3	3	0	
3	003410	Quản trị quan hệ khách hàng	3	3	0	
4	003417	Marketing khách hàng tổ chức	2	2	0	
5	003060	Văn hóa doanh nghiệp	2	2	0	
6	009240	Kinh tế quốc tế	2	2		
Học phần tự chọn			5			
1	003240	Quản trị văn phòng	2	2	0	
2	003422	Tổ chức sự kiện	2	2	0	
3	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	2	0	
4	003418	Marketing quốc tế	3	3	0	
5	001350	Thuế	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010033	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

3. Ngành Kế toán

a) Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	

6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			14			
Học phần bắt buộc			14			
1	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
2	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
3	001460	Tài chính hành chính sự nghiệp	3	3	0	
4	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
5	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Chuyên ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
2	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
3	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
4	002306	Phân tích kế toán và báo cáo tài chính	2	1	1	
5	002240	Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp	3	1	2	
6	002083	Kế toán máy trong doanh nghiệp	3	2	1	
Khối kiến thức: Bổ trợ			24			
Học phần bắt buộc			19			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	004142	Tin học ứng dụng trong kế toán	2	1	1	
3	001350	Thuế	3	3	0	
4	002302	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3	0	
5	002301	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	3	3	0	
6	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	002182	Kế toán ngân sách xã	2	2	0	
2	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2	2	0	
3	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
4	002305	Kiểm toán tài chính	3	3	0	
5	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010021	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

b) Chuyên ngành Kế toán công

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khởi kiến thức: Ngành						
Học phần bắt buộc						
1	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
2	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
3	001460	Tài chính hành chính sự nghiệp	3	3	0	
4	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
5	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
Khởi kiến thức: Chuyên ngành						
Học phần bắt buộc						
1	002162	Kế toán hành chính sự nghiệp HP1	3	3	0	
2	002172	Kế toán hành chính sự nghiệp HP2	2	2	0	
3	002182	Kế toán ngân sách xã	2	2	0	
4	002102	Kế toán NSNN và nghiệp vụ Kho bạc	3	3	0	
5	002082	Kế toán máy trong đơn vị HCSN	2	1	1	
6	002282	Tổ chức công tác kế toán HCSN	2	2	0	
7	002230	Thực hành kế toán HCSN	3	2	1	
Khởi kiến thức: Bổ trợ						
Học phần bắt buộc						
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	004142	Tin học ứng dụng trong kế toán	2	1	1	
3	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
4	001200	Nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước	2	2	0	
5	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
6	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
7	002232	Phân tích tài chính HCSN	2	2	0	
8	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn						
1	009080	Kinh tế công cộng	2	2	0	
2	001350	Thuế	3	3	0	
3	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
4	002270	Kế toán doanh nghiệp T.M. DV và XI.	3	3	0	
5	002305	Kiểm toán tài chính	3	3	0	
Khởi kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp						
Học phần bắt buộc						
1	010022	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín						
			127			

c) Chuyên ngành Kế toán tin

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
2	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
3	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
4	003301	Quản trị học	3	3	0	
5	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
2	004092	Cơ sở lập trình	3	2	1	
3	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
4	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
5	004305	Lập trình windows form	3	2	1	
6	004172	Cơ sở dữ liệu HP1	3	2	1	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			20			
Học phần bắt buộc			20			
1	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
2	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
3	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
4	002306	Phân tích kế toán và báo cáo tài chính	2	2	0	
5	002240	Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp	3	1	2	
6	004182	Cơ sở dữ liệu HP2	3	2	1	
7	004152	Lập trình kế toán	3	2	1	
Khối kiến thức: Bổ trợ			19			
Học phần bắt buộc			14			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	004142	Tin học ứng dụng trong kế toán	2	1	1	
3	004202	Hệ thống thông tin tài chính kế toán	3	3	0	
4	001350	Thuế	3	3	0	
5	002083	Kế toán máy trong doanh nghiệp	3	2	1	
Học phần tự chọn			5			
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
2	004250	Internet và thương mại điện tử	2	2	0	
3	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2	2	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010023	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			129			

4. Ngành Kiểm toán

a) Chuyên ngành Kiểm toán

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			15			
Học phần bắt buộc			15			
1	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
2	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
5	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
1	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
3	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
2	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
4	002302	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3	0	
5	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
6	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
Khởi kiến thức: Chuyên ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	002212	Kiểm toán tài chính HP1	3	3	0	
2	002222	Kiểm toán tài chính HP2	3	3	0	
3	002202	Kiểm toán hoạt động	3	3	0	
4	002304	Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	2	2	0	
5	002192	Kiểm soát quản lý	2	2	0	
6	002242	Tổ chức quá trình kiểm toán BCTC	2	2	0	
7	002280	Thực hành kiểm toán	3	1	2	
Khởi kiến thức: Bổ trợ			23			
Học phần bắt buộc			18			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001350	Thuế	3	3	0	
3	001460	Tài chính hành chính sự nghiệp	3	3	0	
4	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
6	002083	Kế toán máy trong doanh nghiệp	3	2	1	
Học phần tự chọn			5			
1	002182	Kế toán ngân sách xã	2	2	0	
2	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2	1	1	
3	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	002102	Kế toán NSNN và nghiệp vụ Kho bạc	3	3	0	
Khởi kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010061	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

5. Ngành Kinh tế

a) Chuyên ngành Quản lý kinh tế

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
1	006090	Logic học	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009011	Kinh tế học vi mô 1	3	3	0	
2	009021	Kinh tế học vĩ mô 1	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			16			
Học phần bắt buộc			16			
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
2	009012	Kinh tế học vi mô 2	2	2	0	
3	009022	Kinh tế học vĩ mô 2	2	2	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
5	009230	Kinh tế phát triển	3	3	0	
6	009080	Kinh tế công cộng	2	2	0	
7	009041	Kinh tế đầu tư	2	2	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			19			
Học phần bắt buộc			19			
1	009033	Quản lý học	3	3	0	
2	009082	Quản lý nhà nước và kinh tế	3	3	0	
3	009032	Chính sách kinh tế	3	3	0	
4	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
5	009042	Kinh tế nguồn nhân lực	3	3	0	
6	009083	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	2	2	0	
7	009044	Kinh tế và quản lý môi trường	2	2	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			20			
Học phần bắt buộc			15			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
3	001350	Thuế	3	3	0	
4	009031	Chiến lược và kế hoạch phát triển	3	3	0	
5	003053	Thống kê kinh tế	2	2	0	
6	009053	Luật hành chính	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
2	005120	Quy hoạch sử dụng đất	2	2	0	
3	001432	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	3	3	0	
4	001312	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	3	0	
5	002220	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010071	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

b) Chuyên ngành Kinh tế - Luật

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2	2	0	
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
3	006090	Logic học	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
4	009054	Luật kinh tế HP1	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			14			
Học phần bắt buộc			14			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
2	003053	Thống kê kinh tế	2	2	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	009230	Kinh tế phát triển	3	3	0	
5	009080	Kinh tế công cộng	2	2	0	
6	009041	Kinh tế đầu tư	2	2	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			23			
Học phần bắt buộc			23			
1	009033	Quản lý học	3	3	0	
2	009082	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	3	0	
3	009032	Chính sách kinh tế	3	3	0	
4	009042	Kinh tế nguồn nhân lực	3	3	0	
5	009044	Kinh tế và quản lý môi trường	2	2	0	
6	009055	Luật kinh tế HP2	3	3	0	
7	009051	Luật cạnh tranh	3	3	0	
8	009058	Luật thương mại quốc tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			18			
Học phần bắt buộc			13			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
3	009031	Chiến lược và kế hoạch phát triển	3	3	0	
4	009072	Pháp luật môi trường - đất đai	3	3	0	
5	009053	Luật hành chính	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
2	009091	Thương mại điện tử căn bản	2	2	0	
3	001350	Thuế	3	3	0	
4	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
5	009052	Luật đầu tư - đấu thầu	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010072	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

6. Ngành Kinh doanh quốc tế

Chuyên ngành Thương mại quốc tế

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	3	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
1	006090	Logic học	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	009063	Đầu tư quốc tế	3	3	0	
2	003418	Marketing quốc tế	3	3	0	
3	003212	Khởi sự kinh doanh	3	3	0	
4	003272	Quản trị chiến lược	3	3	0	
5	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
6	009043	Kinh tế thương mại	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	009045	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương HP1	3	3	0	
2	009046	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương HP2	3	3	0	
3	009064	Đàm phán thương mại quốc tế	2	2	0	
4	003293	Quản trị Logistics kinh doanh	3	3	0	
5	009087	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	3	3	0	
6	003084	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			21			
Học phần bắt buộc			16			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001350	Thuế	3	3	0	
3	007090	Tiếng Anh thương mại quốc tế	3	3	0	
4	009085	Quản trị đa văn hóa	2	2	0	
5	009091	Thương mại điện tử căn bản	2	2	0	
6	009058	Luật thương mại quốc tế	3	3	0	
Học phần tự chọn			5	5	0	
1	001065	Thanh toán quốc tế	2	2	0	
2	009083	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	2	2	0	
3	003262	Quản trị chất lượng	3	3	0	
4	002220	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	001312	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010081	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

7. Ngành Hệ thống tin quản lý
a) Chuyên ngành Tin - Kế toán

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chú nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
7	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
8	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
9	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
10	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
11	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
12	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
2	006050	Xã hội học	2	2	0	
3	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
Khởi kiến thực: Cơ sở khởi ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khởi kiến thực: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
2	004291	Toán rời rạc	3	3	0	
3	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
4	003301	Quản trị học	3	3	0	
5	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khởi kiến thức: Ngành						
			18			
Học phần bắt buộc						
1	004061	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	3	3	0	
2	004261	Hệ thống thông tin quản lý	3	3	0	
3	004092	Cơ sở lập trình	3	2	1	
4	004172	Cơ sở dữ liệu HP1	3	2	1	
5	004182	Cơ sở dữ liệu HP2	3	2	1	
6	004303	Mạng máy tính và truyền thông	3	2	1	
Khởi kiến thức: Chuyên ngành						
			21			
Học phần bắt buộc						
1	004132	Phát triển hệ thống thông tin quản lý	3	3	0	
2	004305	Lập trình windows form	3	2	1	
3	004152	Lập trình kế toán	3	2	1	
4	004302	Lập trình web	3	2	1	
5	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
6	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
7	004202	Hệ thống thông tin tài chính kế toán	3	3	0	
Khởi kiến thức: Bỏ trợ						
			16			
Học phần bắt buộc						
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	004142	Tin học ứng dụng trong kế toán	2	1	1	
3	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
4	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
Học phần tự chọn						
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
2	004250	Internet và thương mại điện tử	2	2	0	
3	002083	Kế toán máy trong doanh nghiệp	3	2	1	
4	002306	Phân tích kế toán và báo cáo tài chính	2	1	1	
5	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
6	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
Khởi kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp						
			10			
Học phần bắt buộc						
1	011041	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
			127			
			Tổng			

b) Chuyên ngành Công nghệ thương mại điện tử

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			14			
Học phần bắt buộc			14			
1	009091	Thương mại điện tử căn bản	2	2	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	003301	Quản trị học	3	3	0	
4	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
5	001330	Tài chính - Tiền tệ HPI	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	009057	Luật thương mại điện tử	3	3	0	
2	004092	Cơ sở lập trình	3	2	1	
3	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
4	004172	Cơ sở dữ liệu HP1	3	2	1	
5	004261	Hệ thống thông tin quản lý	3	3	0	
6	004303	Mạng máy tính và truyền thông	3	2	1	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			22			
Học phần bắt buộc			22			
1	004401	Phân tích thiết kế hệ thống TM điện tử	3	3	0	
2	004402	Xây dựng website thương mại điện tử	3	2	1	
3	003419	Marketing trên internet	2	2	0	
4	001065	Thanh toán quốc tế	2	2	0	
5	004302	Lập trình Web	3	2	1	
6	004306	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	2	1	
7	004403	An toàn và bảo mật trong TM điện tử	3	2	1	
8	004404	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	2	1	
Khối kiến thức: Bổ trợ			20			
Học phần bắt buộc			15			
1	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
2	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
3	004280	Excel căn bản	3	2	1	
4	003293	Quản trị Logistics kinh doanh	3	3	0	
5	003084	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	0	
Học phần tự chọn			5	5	0	
1	001471	Tài chính quốc tế	2	2	0	
2	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	2	0	
3	003410	Quản trị quan hệ khách hàng	3	3	0	
4	004405	Đồ họa Web và đa phương tiện	3	2	1	
5	004406	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp						
Học phần bắt buộc			10			

1	011043	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
		Tổng	127			

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do trường tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Giáo trình Thị trường chứng khoán	2022	
2	Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế	2022	

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	CH	Quản trị rủi ro tại Công ty cổ phần bảo hiểm ngân hàng Nông nghiệp	Lê Anh Đức	TS. Đào Văn Tú	
2	CH	Phân tích báo cáo tài chính tại Công ty cổ phần thương mại, sản xuất và xuất nhập khẩu Hưng Thịnh	Nguyễn Thị Hồng Duyên	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy	
3	CH	Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	Đinh Việt Hùng	TS. Đào Văn Tú	
4	CH	Công tác quản lý chi bảo hiểm xã hội tại bảo hiểm xã hội huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Phạm Thị Mỹ	TS. Nguyễn Việt Đăng	
5	CH	Công tác triển khai bảo hiểm xã hội tự nguyện tại Bảo hiểm xã hội huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Trịnh Phan Phúc	TS. Nguyễn Quang Hiệp	
6	CH	Phát triển bảo hiểm y tế hộ gia đình trên địa bàn huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Thị Phương	TS. Nguyễn Việt Đăng	
7	CH	Nâng cao chất lượng cho vay hộ sản xuất tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Văn Lâm Hưng Yên II	Vũ Đức Thành	TS. Đỗ Thị Hoan	
8	CH	Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại chi cục thuế khu vực Mỹ Hào - Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Hà Văn Việt	TS. Đoàn Thị Thanh Tâm	
9	CH	Thẩm định giá bất động sản trong hoạt động cho vay tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên II	Lê Thị Ngọc Chúc	TS. Nguyễn Huy Cường	
10	CH	Kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước tại kho bạc nhà nước Yên Mỹ - Hưng Yên	Đặng Hồng Đô	TS. Nguyễn Thị Bích Diệp	
11	CH	Nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hưng Yên	Lê Thị Thùy Dương	TS. Nguyễn Thị Bích Diệp	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
12	CH	Phát triển của hoạt động cho vay tiêu dùng về nhà ở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên II	Khúc Chí Hưng	TS. Nguyễn Quang Hiệp	
13	CH	Công tác quản lý tài chính của cơ quan Kho bạc Nhà nước	Trần Thị Mai Hương	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa	
14	CH	Huy động vốn đầu tư dự án Minh Giang Đầm Và tại công ty cổ phần đầu tư và thương mại Minh Giang	Đỗ Minh Hoàng	TS. Đỗ Thị Minh Nhâm	
15	CH	Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên II	Nguyễn Thị Lệ	TS. Đỗ Tiến Tới	
16	CH	Phát triển dịch vụ thanh toán nội địa tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên II	Lê Thị Tuyết Mai	TS. Lê Tuấn Hiệp	
17	CH	Phân tích tình hình tài chính tại công ty cổ phần nhựa Tuệ Minh	Vũ Hải Nam	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy	
18	CH	Phát triển dịch vụ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Huyện Yên Mỹ - Hưng Yên II	Trần Trọng Nghĩa	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa	
19	CH	Tăng cường quản lý ngân sách Thành phố Hà Nội	Khổng Văn Ngu	TS. Nguyễn Thị Bích Diệp	
20	CH	Kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước tại kho bạc Nhà nước Kim Động - Hưng Yên	Nguyễn Xuân Sanh	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa	
21	CH	Chất lượng tín dụng tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm	Nguyễn Thị Anh Thư	TS. Lê Tuấn Hiệp	
22	CH	Phát triển tín dụng cá nhân tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên II	Lê Đức Tuấn	TS. Nguyễn Huy Cường	
23	CH	Hoạt động thanh tra, giám sát của chi nhánh ngân hàng nhà nước Tỉnh Bắc Giang đối với các tổ chức tín dụng	Chu Lê Anh Tuấn	PGS.TS. Đỗ Đức Minh	
24	CH	Quản trị vốn kinh doanh tại công ty cổ phần Khánh Phương	Phạm Ngọc Tuấn	TS. Lê Tuấn Hiệp	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
25	ĐHCQ	Kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Hameco Hưng yên trên MS Excel	Nguyễn Thị Hà Giang	Ths. Phạm Việt Phương	
26	ĐHCQ	Ứng dụng Excel vào kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần vật tư TKV- Xí nghiệp vật tư Cẩm Phả	Vũ Thị Vân Anh	Ths. Nguyễn Thị Thu Hương	
27	ĐHCQ	Xây dựng phần mềm kế toán trên phân hệ kế toán vật tư	Nguyễn Thị Mai	Ths. Phạm Thị Chanh	
28	ĐHCQ	Ứng dụng MS Excel vào kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH xây dựng Hải Âu	Bùi Đức Đạo	Ths. Nguyễn Thị Thu Hương	
29	ĐHCQ	Ứng dụng MS Excel vào kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH xây dựng Hải Âu	Trần Thị Hương	Ths. Nguyễn Thị Thu Hương	
30	ĐHCQ	Ứng dụng kế toán bán hàng và công nợ phải thu trên MS EXCEL tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Thanh Tùng	Tô Thị Xuân Mai	Ths. Nguyễn Thị Thu Hương	
31	ĐHCQ	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu tại cty TNHH Haeyoun Innovation Vina trên MS Excel	Trần Quang Hanh	Ths. Phạm Việt Phương	
32	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Nhựa xốp 76	Nguyễn Đoàn Thùy An	Th.S Đặng Thị Mai	
33	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán công nợ phải thu tại Công ty TNHH LOGISTICS BHT.HK Việt Nam.	Đỗ Thúy Hằng	Th.S Đặng Thị Mai	
34	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH đầu tư và dịch vụ Hải Lâm.	Phan Thị Thanh Hòa	Th.S Đặng Thị Mai	
35	ĐHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng – thu tiền tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Dương Hà	Lê Minh Hiệu	Th.S Đặng Thị Mai	
36	ĐHCQ	Hoàn thiện kiểm soát nội bộ về chu trình hàng tồn kho tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Khánh Trúc	Phạm Trà My	Th.S Đặng Thị Mai	
37	ĐHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thaicom	Ngô Thị Hải Yến	Th.S Đặng Thị Mai	
38	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại	Nguyễn Thị Mến Thương	Th.s Nguyễn Thanh Bình	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Công ty TNHH bê tông Việt Đức VL			
39	DHCQ	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Kiến Hưng Hưng Yên	Lưu Hà Thu	Th.s Nguyễn Thanh Bình	
40	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH TaeYang Việt Nam	Đỗ Huyền Trang	Th.s Nguyễn Thanh Bình	
41	DHCQ	Hoàn thiện Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần tấm lợp Từ Sơn	Nguyễn Thùy Trang	Th.s Nguyễn Thanh Bình	
42	DHCQ	Hoàn thiện Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Polystar	Trương Thùy Dung	Th.s Nguyễn Thanh Bình	
43	DHCQ	Hoàn thiện Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH QBG GROUP	Đào Minh Phước	Th.s Nguyễn Thanh Bình	
44	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và TMDV Thành Vinh	Nguyễn Anh Đức	Th.s Nguyễn Thị Kim Dung	
45	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Phạm Thị Ngọc Mai	Th.s Nguyễn Thị Kim Dung	
46	DHCQ	Hoàn thiện kế toán kê khai thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và quyết toán thuế TNDN, thuế TNCN tại Công ty TNHH thương mại Sơn Tùng	Tạ Thị Kim Oanh	Th.s Nguyễn Thị Kim Dung	
47	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng Giao thông I Cao Bằng	Trần Thị Minh Huệ	Th.s Nguyễn Thị Kim Dung	
48	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần dịch vụ giáo dục và y tế Hà Vân	Lê Nguyễn Thùy Trang	Th.s Nguyễn Thị Kim Dung	
49	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Việt Bích	Nguyễn Thị Thanh Hải	Th.s Nguyễn Thị Kim Dung	
50	DHCQ	Hoàn thiện kế toán về chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Giấy Hưng Hà	Vũ Thùy Trang	Th.s Trịnh Thị Điệp	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
51	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại Minh Tâm	Nguyễn Thị Thanh Chúc	Th.s Trịnh Thị Diệp	
52	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH thương mại Nhật Linh	Nguyễn Thị Thu Hiền	Th.s Trịnh Thị Diệp	
53	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Mecatec	Đặng Hải Yến	Th.s Trịnh Thị Diệp	
54	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty may Hưng Yên	Bùi Thị Giang	Th.s Trịnh Thị Diệp	
55	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SANDI	Phạm Thị Nguyệt Nga	Th.s Trịnh Thị Diệp	
56	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sản xuất Nội Thất Nam Thanh	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Th.s Trịnh Thị Diệp	
57	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần CTH Việt Nam	Trần Hoàng Thúy Hằng	Th.S Trịnh Thị Thu Hòa	
58	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tổ chức công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh thương mại Hoàng Mai	Hoàng Thị Nguyên	Th.S Trịnh Thị Thu Hòa	
59	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán nội bộ lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Tập đoàn Bảo Việt	Dương Bùi Mai Quỳnh	Th.S Trịnh Thị Thu Hòa	
60	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán chu trình bán hàng thu tiền trong kiểm toán BCTC tại công ty TNHH kiểm toán TV Đất Việt chi nhánh Thành Nam	Phạm Xuân Thành	Th.S Trịnh Thị Thu Hòa	
61	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ chu trình hàng tồn kho tại công ty Cổ phần KKF	Lê Hồng Vân	Th.S Trịnh Thị Thu Hòa	
62	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Tân Á Hưng Yên	Nguyễn Thị Diệu Linh	Th.S Trịnh Thị Thu Hòa	
63	ĐHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty TNHH XD & TM Thành Long	Nguyễn Văn Tùng	Th.S Trịnh Thị Thu Hòa	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
64	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Nhật Thái	Trương Ngọc Ánh	Th.s. Lê Thị Ngọc Ánh	
65	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất Việt Đức	Đặng Quốc Bình	Th.s. Lê Thị Ngọc Ánh	
66	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Nhất Lộc Hưng Yên	Phạm Thanh Nam	Th.s. Lê Thị Ngọc Ánh	
67	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và phát triển QKD	Hoàng Thị Trà	Th.s. Lê Thị Ngọc Ánh	
68	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Ô tô, xe máy Hùng Vân	Lê Phi Vũ	Th.s. Lê Thị Ngọc Ánh	
69	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH gạch tuynel Tiên Hưng	Nguyễn Thị Hoa	Th.s. Lê Thị Ngọc Ánh	
70	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại ANH HUY Hđ	Phạm Văn Anh	Th.s. Nguyễn Phương Hạnh	
71	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hân Anh	Đặng Thị Thu Linh	Th.s. Nguyễn Phương Hạnh	
72	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Happy Home	Trần Thị Thảo	Th.s. Nguyễn Phương Hạnh	
73	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Minh Dũng	Lê Thị Huyền Trang	Th.s. Nguyễn Phương Hạnh	
74	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thành Hưng	Trịnh Thị Thu Trang	Th.s. Nguyễn Phương Hạnh	
75	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Mavin Austfeed	Vũ Thị Thanh Quyên	Th.s. Nguyễn Phương Hạnh	
76	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần kính Kato Việt Nam	Ngô Thị Huệ Anh	Th.S. Nguyễn Thị Phương Hoa	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
77	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP xây dựng dân dụng công nghiệp Hà Nội	Nguyễn Diệu Linh	Th.S.Nguyễn Thị Phương Hoa	
78	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần vận tải và thương mại Văn Giang	Đoàn Thị Hồng Phúc	Th.S.Nguyễn Thị Phương Hoa	
79	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Hợp Thành	Lưu Thị Khánh Ly	Th.S.Nguyễn Thị Phương Hoa	
80	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH sản xuất thương mại DV XNK An Phú Hưng Yên	Trịnh Thị Lành	Th.S.Nguyễn Thị Phương Hoa	
81	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà	Chu Thị Thu Trang	Th.S.Nguyễn Thị Phương Hoa	
82	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần VMP Việt Nam	Lưu Quang Phát	Thầy: Phạm Văn Hưng	
83	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Vạn Đức Thịnh	Trịnh Phan Phiên	Thầy: Phạm Văn Hưng	
84	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất và thương mại dây và cáp điện	Bùi Đức Nguyên	Thầy: Phạm Văn Hưng	
85	ĐHCQ	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu Tường Lân	Đặng Thị Ngọc Anh	Ths Nguyễn Thị Huyền	
86	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH thương mại và xuất khẩu vihaba	Nguyễn Thị Thúy Hợp	Ths Nguyễn Thị Huyền	
87	DHCQ	Hoàn thiện Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại CÔNG TY TNHH THỜI TRANG T&N	Lưu Thị Thu Hường	Ths Nguyễn Thị Huyền	
88	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Việt Đức	Phạm Thanh Tươi	Ths Nguyễn Thị Huyền	
89	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Hoàn Thành	Phạm Như Quỳnh	Ths Nguyễn Thị Huyền	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
90	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần kho ngoại quan Đại An	Hồ Thu Trang	Ths Nguyễn Thị Huyền	
91	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Đầu tư và Phát triển TDG Việt Nam	Mạc Hiểu Linh	ThS Nguyễn Thị Ngoan	
92	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP sản xuất xây dựng và thương mại Long Thành	Đặng Hồng Diễm	ThS Nguyễn Thị Ngoan	
93	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP quảng cáo và nội thất Gia Phát	Lưu Thị Hằng	ThS Nguyễn Thị Ngoan	
94	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Lasdu	Nguyễn Thị Hường	ThS Nguyễn Thị Ngoan	
95	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Thương mại vận tải XNK Khánh Hưng	Trần Thị Hồng Nhung	ThS Nguyễn Thị Ngoan	
96	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần xây lắp và công nghệ Việt Nam	Lê Thị Hoài Phương	ThS Nguyễn Thị Ngoan	
97	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghệ tin học và trắc địa bản đồ Sông Châu	Vũ Thị Thu Tháo	ThS Nguyễn Thị Ngoan	
98	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Chi nhánh Công ty cổ phần ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	Đỗ Thế Tăng	ThS. Bùi Thị Vân	
99	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH dệt và nhuộm Hưng Yên	Vũ Thị Lan Anh	ThS. Bùi Thị Vân	
100	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán hàng hóa tại công ty cổ phần đầu tư thương mại và phát triển dịch vụ Quang Phát	Nguyễn Thị Oanh	ThS. Bùi Thị Vân	
101	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Hương Hà Linh	Đỗ Thị Bích Ngọc	ThS. Bùi Thị Vân	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
102	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế Toán Nguyên Vật Liệu tại Công ty TNHH KONISHI Việt Nam	Lý Thị Ngọc Huyền	ThS. Bùi Thị Vân	
103	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Kinh Doanh Thương Mại Hải Uyên	Phạm Thị Ly	ThS. Bùi Thị Vân	
104	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần thiết kế xây dựng và thương mại Hải Hà	Trịnh Thị Hải Yến	ThS. Bùi Thị Vân	
105	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Ngôi Sao Việt	Nguyễn Thị Lan Anh	Ths. Đào Thị Hằng	
106	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Hải Hà	Phạm Thị Dịu	Ths. Đào Thị Hằng	
107	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Đại Bàng Kim Việt Nam	Đặng Thị Huyền	Ths. Đào Thị Hằng	
108	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Hưng Yên Công ty TNHH Taeyang Việt Nam	Ngô Thị Hồng Mơ	Ths. Đào Thị Hằng	
109	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Việt Nhật Hưng Yên	Nguyễn Thúy Ngân	Ths. Đào Thị Hằng	
110	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH AAB	Chu Ngọc Huyền	Ths. Đào Thị Hằng	
111	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH đầu tư xây dựng thiết kế và thương mại Hợp Tiên	Trần Vũ Hiệp	Ths. Đào Thị Hằng	
112	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần Cầu 14	Vũ Ngọc Huyền	ThS. Đào Văn Anh	
113	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản phải nộp theo lương tại Công Ty TNHH XD Minh Dũng HH	Phùng Mai Anh	ThS. Đào Văn Anh	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
114	DHCQ	Hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thăng Thủy	Nguyễn Mai Hương	ThS. Đào Văn Anh	
115	DHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng - thu tiền trong công ty thyssenkrupp Materials Vietnam	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. Đào Văn Anh	
116	DHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng-thu tiền tại Công ty CP Đầu tư xây dựng Khánh Chi	Vũ Toàn Anh	ThS. Đào Văn Anh	
117	DHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng-thu tiền tại Công ty CP Việt Thành	Trần Thu Hằng	ThS. Đào Văn Anh	
118	DHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại phúc thắng	Trần Quốc Hoàng	ThS. Đào Văn Anh	
119	DHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ chu trình tiền lương tại Công ty TNHH ADI Việt Nam	Nguyễn Văn Linh	ThS. Đào Văn Anh	
120	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công Ty TNHH Kwang Sung Global	Trương Thị Hải	ThS. Đỗ Thị Loan	
121	DHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần bao bì Thuận Hòa Phát	Trương Thu Lương	ThS. Đỗ Thị Loan	
122	DHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thực phẩm Minh Dương	Lê Thị Ngọc Hiệp	ThS. Đỗ Thị Loan	
123	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên liệu vật liệu tại Công ty TNHH Hiền Thu Sơn La	Nguyễn Phương Thảo	ThS. Đỗ Thị Loan	
124	DHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Viko Wire	Nguyễn Thanh Huyền	ThS. Đỗ Thị Loan	
125	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH cơ khí Hoàn Hào	Nguyễn Thảo Ly	ThS. Đỗ Thị Loan	
126	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Hoàng Huân	Nguyễn Thị Ngọc Lan	ThS. Đoàn Thị Hồng Thịnh	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
127	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Diamond Food Việt Nam	Đặng Thanh Trà	ThS. Đoàn Thị Hồng Thịnh	
128	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần Thành Công Hà Nội	Dương Thị Hồng Duyên	ThS. Đoàn Thị Hồng Thịnh	
129	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Y&I	Quản Thị Thu Thảo	ThS. Đoàn Thị Hồng Thịnh	
130	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH công nghiệp nhựa Pioneer	Ngô Thị Thanh Thảo	ThS. Đoàn Thị Hồng Thịnh	
131	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Mặt Trời Hạ Long	Lê Nguyễn Tuấn Đăng	ThS. Đoàn Thị Hồng Thịnh	
132	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty may mặc dệt kim Smart Shirts (Việt Nam)	Đặng Thị Thùy Dung	ThS. Dương Thị Thiều	
133	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lào Cai	Nguyễn Thùy Linh	ThS. Dương Thị Thiều	
134	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng cáo và Thương mại Sao Việt	Đỗ Thị Thanh Ngân	ThS. Dương Thị Thiều	
135	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sơn Hiệp Phát	Bùi Ngọc Duyên	ThS. Dương Thị Thiều	
136	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần viễn thông FPT	Nguyễn Thị Phương Anh	ThS. Dương Thị Thiều	
137	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần thép Minh Phú	Đinh Thị Thu Uyên	ThS. Dương Thị Thiều	
138	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Chi nhánh Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát	Phí Thị Thúy Quỳnh	ThS. Dương Thị Thiều	
139	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và XĐKQ bán hàng tại Công ty TNHH TM Nam Lợi	Nguyễn Thùy Tiên	Ths. Lê Hồng Kỳ	
140	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhật Hoa Hưng Yên	Trần Thị Thương	Ths. Lê Hồng Kỳ	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
141	ĐHCQ	Hoàn Thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm Tại Công ty TNHH đầu tư sản xuất và thương mại Trường Thành	Lê Thị Ngọc Ánh	Ths. Lê Hồng Kỳ	
142	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và XKĐQ bán hàng tại DNTN Tuấn Dũng	Nguyễn Thùy Linh	Ths. Lê Hồng Kỳ	
143	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL, CCDC tại Công ty cổ phần XD và TM Anh Chiến	Đoàn Chi Mai	Ths. Lê Hồng Kỳ	
144	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL, CCDC tại Công ty TNHH Trung Thành Thái Nguyên	Nguyễn Minh Thúy	Ths. Lê Hồng Kỳ	
145	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Prime ngôi Việt	Đào Tiến Đạt	Ths. Lê Thị Bình	
146	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản phải trích theo lương tại Công ty Cổ phần Sản xuất vật liệu và xây lắp Hải Hậu	Nguyễn Thành Đô	Ths. Lê Thị Bình	
147	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại HC Toàn cầu	Đinh Thị Hiền	Ths. Lê Thị Bình	
148	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần thực phẩm công nghệ Đồng Lợi	Hà Phương Anh	Ths. Lê Thị Bình	
149	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Tự Động Hóa Đông Phương Hà Nội	Huỳnh Trà My	Ths. Lê Thị Bình	
150	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán TSCĐ tại công ty Cổ phần xây dựng Thái Hòa	Lưu Thị Minh Tâm	Ths. Lê Thị Bình	
151	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty CP Dược phẩm THT Điện Biên	Hà Thị Tuyết	ThS. Lê Thị Loan	
152	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Thực phẩm Phúc Minh Hưng Yên	Hoàng Phương Anh	ThS. Lê Thị Loan	
153	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV Xe điện DK Việt Nhật	Nguyễn Diệu Anh	ThS. Lê Thị Loan	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
154	DHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng - thu tiền tại Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Long Anh	Nguyễn Thị Hương Giang	ThS. Lê Thị Loan	
155	DHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại Công ty TNHH HTTLINK Việt Nam	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	ThS. Lê Thị Loan	
156	DHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Vốn bằng tiền trong kiểm toán BTTC do Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn đầu tư Thăng Long thực hiện	Đỗ Thị Thái	ThS. Lê Thị Loan	
157	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH TM& DV XUÂN MAI	Phạm Ngọc Sơn	Ths. Nguyễn Hải Hà	
158	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô Đông Phong	Chu Quang Sỹ	Ths. Dương Thị Thiều	
159	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Konishi Việt Nam	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Ths. Nguyễn Hải Hà	
160	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty cổ phần sản xuất thương mại và đầu tư Thuận Đạt	Đỗ Thị Quỳnh Mai	Ths. Nguyễn Hải Hà	
161	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ Phần Thiết bị ngành may Thành Đạt	Phạm Đức Anh	Ths. Nguyễn Hải Hà	
162	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty Công ty TNHH Hoàng Hà Yên Bái	Phan Thu Hà	Ths. Nguyễn Hải Hà	
163	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH An Thành Long	Lê Thị Thu Hằng	Ths. Nguyễn Hải Hà	
164	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và xuất nhập khẩu Duy Anh	Nguyễn Thị Lành	Ths. Nguyễn Hải Hà	
165	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại	Nguyễn Thị Ánh	Ths. Nguyễn Hải Hà	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Công ty CP Hyundai Alumium Vina			
166	DHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thép Việt	Cần Thị Huyền Trang	Ths. Nguyễn Hải Hà	
167	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần nhựa Huy Hoàn	Trần Thị Thanh Thư	Ths. Nguyễn Hải Hà	
168	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần thực phẩm công nghệ Đồng Lợi	Bùi Trần Gia Long	Ths. Nguyễn Hải Hà	
169	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ Nhật Tân	Vũ Thị Huyền My	Ths. Nguyễn Thị Đào	
170	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Đại Vũ	Nguyễn Thị Nhung	Ths. Nguyễn Thị Đào	
171	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH đồ dùng thể thao Tân Sinh Việt Nam	Đỗ Thị Kiều Oanh	Ths. Nguyễn Thị Đào	
172	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH dược phẩm USA VIP	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Ths. Nguyễn Thị Đào	
173	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Bình Minh Anh	Nguyễn Khánh Linh	Ths. Nguyễn Thị Đào	
174	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty cổ phần dịch vụ thiết bị kỹ thuật và công nghệ LUX METAL	Đoàn Thị Khánh Ly	Ths. Nguyễn Thị Đào	
175	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH chứng nhận TQCSI Việt Nam	Lê Thị Hiền	Ths. Nguyễn Thị Đào	
176	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần Dược Thú Y Hà Nội - chi nhánh Hưng Yên	Trần Thị Hồng Điệp	Ths. Nguyễn Thị Hải	
177	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại	Phạm Thị Thanh Huyền	Ths. Nguyễn Thị Hải	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
178	ĐHCQ	Công ty cổ phần Du Lịch và Thương Mại An Dương Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Tân Đông Dương Hà Nội	Đỗ Thị Hoài Linh	Ths. Nguyễn Thị Hải	
179	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần thiết bị y tế Long Giang	Phạm Ánh Nguyệt	Ths. Nguyễn Thị Hải	
180	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Dầu Ấn	Lê Thị Thu	Ths. Nguyễn Thị Hải	
181	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH tự động hóa Đông Phương Hà Nội	Đỗ Thế Huy	Ths. Nguyễn Thị Hải	
182	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán Nguyên Vật Liệu tại Công ty TNHH TEXHONG Dệt Kim Việt Nam	Nguyễn Thị Kim Cúc	Ths. Nguyễn Thị Hải	
183	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ tổng hợp Nga Việt	Bùi Thị Hồng Ngọc	ThS. Nguyễn Thị Hải Hường	
184	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Kai Quốc tế Việt Nam	Văn Thị Trang	ThS. Nguyễn Thị Hải Hường	
185	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Hiệu Hà	Đặng Thị Tươi	ThS. Nguyễn Thị Hải Hường	
186	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH vật liệu mới thời đại	Trần Thị Dung	ThS. Nguyễn Thị Hải Hường	
187	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ tổng hợp Hoàng Hải	Lê Thị Phương	ThS. Nguyễn Thị Hải Hường	
188	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Former Việt Nam	Vũ Thị Mỹ Hạnh	ThS. Nguyễn Thị Hải Hường	
189	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thực phẩm XK Trung Sơn	Nguyễn Thị Bích Hào	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
190	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần sản xuất XNK Phương Đông	Nguyễn Thị Phương Anh	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	
191	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH TOIM VINA	Hồ Thị Trà Giang	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	
192	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH JaPan composite Việt Nam	Đỗ Thị Hiền	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	
193	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng Anh Anh	Đào Bích Ngọc	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	
194	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định Công ty CP phát triển dịch vụ thương mại Hải Nam Hưng Yên kết quả kinh doanh tại	Phạm Lan Phương	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	
195	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Tis	Nguyễn Thu Hương	ThS. Nguyễn Thị Hương	
196	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tài sản cố định hữu hình tại công ty Đức huy	Hoàng Đỗ Khoa	ThS. Nguyễn Thị Hương	
197	DHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên bao bì Song Long.	Đặng Thùy Linh	ThS. Nguyễn Thị Hương	
198	DHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ADI Việt Nam	Hà Nhật Long	ThS. Nguyễn Thị Hương	
199	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần dịch vụ Minh Long	Đặng Quỳnh Mai	ThS. Nguyễn Thị Hương	
200	DHCQ	Hoàn thiện tiền lương và các khoản trích theo lương công ty TNHH Ngọc Diệp	Bùi Thị Minh Hương	ThS. Nguyễn Thị Hương	
201	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Nhôm Đô Thành	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Ths. Nguyễn Thị Ngọc	
202	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Thương mại TLT Hưng Yên	Nguyễn Thị Hạnh	Ths. Nguyễn Thị Ngọc	
203	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV	Tạ Thị Bích Thùy	Ths. Nguyễn Thị Ngọc	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		HÀ MY			
204	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần Kim Sơn	Nguyễn Hải Anh	Ths. Nguyễn Thị Ngọc	
205	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM	Nguyễn Thị Thanh	Ths. Nguyễn Thị Ngọc	
206	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty Cổ phần vận tải và thiết bị ô tô Tuấn Tú	Nguyễn Thị Kiều Trang	Ths. Nguyễn Thị Ngọc	
207	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH kết cấu thép Quân Hoa	Bùi Thị Hồng Vân	Ths. Nguyễn Thị Thanh Hà	
208	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán công nợ phải thu tại công ty TNHH Phát triển thương mại Hòa Thành	Ngô Thúy Quyên	Ths. Nguyễn Thị Thanh Hà	
209	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Trung Sơn Hưng Yên	Phùng Thị Quyên	Ths. Nguyễn Thị Thanh Hà	
210	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Quang Anh	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	Ths. Nguyễn Thị Thanh Hà	
211	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Centosy Việt Nam	Nguyễn Thị Thu	Ths. Nguyễn Thị Thanh Hà	
212	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Biovet	Trần Huyền Trang	Ths. Nguyễn Thị Thanh Hà	
213	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP nhựa Stroman Việt Nam	Đào Thu Quyên	Ths. Nguyễn Thị Thu	
214	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định KQHĐKD tại Công ty TNHH TM và DV Biên Long	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Ths. Nguyễn Thị Thu	
215	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Ecotech Hưng Yên	Vũ Thị Hồng Nhung	Ths. Nguyễn Thị Thu	
216	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ	Phạm Thị Thu Phương	Ths. Nguyễn Thị Thu	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
217	DHCQ	Đại An SECURITY Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty CP TMVT và đóng tàu Duy Tân	Ngô Thị Thảo	Ths. Nguyễn Thị Thu	
218	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định KQHĐKD tại Công ty TNHH May Thịnh Phát HQ	Vũ Thị Phương	Ths. Nguyễn Thị Thu	
219	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty CP may Hải Anh	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Ths. Nguyễn Thị Thu	
220	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Ezfashion	Đỗ Thị Hương Lan	Ths. Nguyễn Thị Vân Thanh	
221	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hiếu Bắc	Tạ Thị Bích Vân	Ths. Nguyễn Thị Vân Thanh	
222	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Phương Anh	Nguyễn Thị Chinh	Ths. Nguyễn Thị Vân Thanh	
223	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Nhật Phát	Đinh Thanh Hà	Ths. Nguyễn Thị Vân Thanh	
224	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Foremart Việt Nam	Đoàn Thị Kiều Oanh	Ths. Nguyễn Thị Vân Thanh	
225	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Liên Kết Libia - Việt Nam	Nguyễn Thị Phương	Ths. Nguyễn Thị Vân Thanh	
226	DHCQ	HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH CÔNG TRÌNH TẠI CÔNG TY TNHH CÂY XANH TRÍ ĐỨC VĂN GIANG	Hoàng Nguyễn Bình	ThS. Phạm Ngọc Thảo	
227	DHCQ	HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM tại Công ty cổ phần gỗ Đại Việt	Nguyễn Thị Thu Hương	ThS. Phạm Ngọc Thảo	
228	DHCQ	HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU tại Công ty TNHH Watanabe Pipe Việt Nam	Bùi Thị Mai	ThS. Phạm Ngọc Thảo	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
229	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP dịch vụ phát triển Minh Long	Hà Thị Phương Anh	ThS. Phạm Thị Hậu	
230	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Tin học-Điện Tử -Viễn Thông AN PHƯƠNG	Thân Thị Lan Anh	ThS. Phạm Thị Hậu	
231	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty CP cơ giới và xây lắp Hùng Giang	Nguyễn Thị Kim Chi	ThS. Phạm Thị Hậu	
232	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương, các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 1 Sơn La	Phan Thùy Dương	ThS. Phạm Thị Hậu	
233	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Việt Hưng	Nguyễn Thị Thu Hương	ThS. Phạm Thị Hậu	
234	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu và cung cụ dụng cụ tại Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng Nguyên Phong	Hoàng Đại Nhân	ThS. Phạm Thị Hậu	
235	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH MTV xử lý bom mìn. vật nổ 319	Trần Khánh Huyền	Ths. Phạm Thị Thu Hương	
236	DHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và dịch vụ thương mại Thái Tuyên	Vũ Thủy Phượng	Ths. Phạm Thị Thu Hương	
237	DHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng và PCCC Hưng Yên	Ngô Thị Như Quỳnh	Ths. Phạm Thị Thu Hương	
238	DHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ và vận tải Quang Minh	Nguyễn Thị Thủy Trang	Ths. Phạm Thị Thu Hương	
239	DHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên DV- TM - VT Hai Nam	Bùi Thị Linh	Ths. Phạm Thị Thu Hương	
240	DHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh	Phạm Thị Thúy	Ths. Phạm Thị Thu Hương	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		doanh tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thành Nghĩa Hưng yên			
241	DHCQ	Hoàn thiện kế toán CPSX và tính giá thành SP tại CTCP May và Thương mại Mỹ Hưng	Nguyễn Thị Như Anh	ThS. Phạm Thu Hương	
242	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Khánh Chi Hà Nam	Hoàng Hải Hà	ThS. Phạm Thu Hương	
243	DHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần Đồng Phát	Nguyễn Thị Kim Oanh	ThS. Phạm Thu Hương	
244	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty Liên doanh gồm xây dựng Hoàng Quế	Ngô Thị Phương Anh	ThS. Phạm Thu Hương	
245	DHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại công ty cổ phần IOV	Lê Thu Thảo	ThS. Phạm Thu Hương	
246	DHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành	Nguyễn Thị Vân Anh	ThS. Phạm Thu Hương	
247	DHCQ	Hoàn thiện Kế toán TL và các khoản trích theo lương tại CTCP AMIGO Việt Nam	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. Phạm Thu Hương	
248	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Điện Stanley Việt Nam	Nguyễn Ngọc Tuyên	ThS. Trần Đức Hùng	
249	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Alpha Mobile	Trần Thị Thu Trang	ThS. Trần Đức Hùng	
250	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH May Phù Đồng	Hoàng Thị Thúy Nga	ThS. Trần Đức Hùng	
251	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển sáng tạo Đông Dương	Lê Thị Bích Phương	ThS. Trần Đức Hùng	
252	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Bê tông Thịnh Phát	Vũ Thu Thủy	ThS. Trần Đức Hùng	
253	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ vận tải	Nguyễn Thị Huyền Trang	ThS. Trần Đức Hùng	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Thanh Hải			
254	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hưng Phát Hưng Yên	Phạm Thị Hải Yến	ThS. Trần Đức Hùng	
255	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Xây dựng Vĩnh Long	Vy Thị Lệ Giang	Ths. Trần Minh Huệ	
256	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đông Bắc	Đào Thị Thảo	Ths. Trần Minh Huệ	
257	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công Ty Cổ Phần May và Dịch Vụ Hưng Long	Nguyễn Ngọc Ánh	Ths. Trần Minh Huệ	
258	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQ bán hàng tại Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Linh Lực	Phạm Trọng Đạt	Ths. Trần Minh Huệ	
259	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV xây dựng Khối Đức	Đặng Thị Tâm	Ths. Trần Minh Huệ	
260	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH thương mại Thành Lâm	Trần Tuyết Mai	Ths. Trần Minh Huệ	
261	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Điện lực Lào Cai-Chi nhánh Tổng công ty điện lực miền Bắc	Nguyễn Phúc Trang Nhung	ThS. Trần Ngân Hà	
262	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vortex	Nguyễn Bích Hương	ThS. Trần Ngân Hà	
263	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV Yên Nhi	Ngô Minh Huỳnh	ThS. Trần Ngân Hà	
264	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty TNHH VT Home	Phạm Diệu Linh	ThS. Trần Ngân Hà	
265	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH dầu khí Trần Hồng Quân -Chi nhánh Hưng Yên	Nguyễn Phương Thúy	ThS. Trần Ngân Hà	
266	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty TNHH công nghệ kính	Phạm Thu Cúc	ThS. Trần Ngân Hà	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		MB			
267	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đồng Anh/Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đồng Anh	Quách Thị Nhật Hạ	ThS. Trần Ngọc Lan	
268	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ô tô Tân Phát/Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ô tô Tân Phát	Lê Thị Chi	ThS. Trần Ngọc Lan	
269	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại máy tính Trọng Tín	Đoàn Thị Hoàn	ThS. Trần Ngọc Lan	
270	ĐHCQ	Hoàn thiện kiểm soát nội bộ tại Kho bạc nhà nước thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên/Kho bạc nhà nước thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Dur Hoàng	ThS. Trần Ngọc Lan	
271	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục vốn bằng tiền trong kiểm toán BCTC do chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thực hiện	Lê Thanh Nhân	ThS. Trần Ngọc Lan	
272	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm soát nội bộ chu kỳ bán hàng và thu tiền tại Công ty CP Kim Đạt/Công ty CP Kim Đạt	Nguyễn Huyền Trâm	ThS. Trần Ngọc Lan	
273	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty cổ phần vật tư TKV-Xí nghiệp vật tư Cẩm Phả	Đoàn Thúy Hằng	Ths. Trần Thị Lụa	
274	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH MTV sản xuất và thương mại Phong Thao	Lã Thanh Tùng	Ths. Trần Thị Lụa	
275	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Bảo Chinh Vina	Phan Thị Hồng Vân	Ths. Trần Thị Lụa	
276	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Dong Yang E&P	Hoàng Thị Duyên	Ths. Trần Thị Lụa	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Việt Nam			
277	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoàng Hải	Đào Thị Thu Hà	Ths. Trần Thị Lụa	
278	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH ADI Việt Nam	Hoàng Ngọc Tâm	Ths. Trần Thị Lụa	
279	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQKD tại Công ty CP tập đoàn Vaxuco	Ngô Thị Kim Oanh	Ths. Trịnh Thị Thu Hà	
280	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán TL và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH XD và TM Ánh Hương	Nguyễn Ngọc Diễm	Ths. Trịnh Thị Thu Hà	
281	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty CP kim khí Trâu Quý	Đỗ Thị Huyền	Ths. Trịnh Thị Thu Hà	
282	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại DNTN Hải Âu 18	Bàng Thị Loan	Ths. Trịnh Thị Thu Hà	
283	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty TNHH công nghệ Thế kỷ	Nguyễn Thị Mây	Ths. Trịnh Thị Thu Hà	
284	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán DT, CP và XĐKQKD tại Công ty CP thiết bị điện ABB Việt Nam	Nguyễn Thị Lan Anh	Ths. Trịnh Thị Thu Hà	
285	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty TNHH Ngọc Thế	Nguyễn Đức Anh	Ths. Trịnh Thị Thu Hà	
286	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV Tân Phát Sơn La	Vi Lê Thảo Nhi	ThS. Vũ Mai Phương	
287	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu thương mại Hợp Phát	Đoàn Thị Vân Anh	ThS. Vũ Mai Phương	
288	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Trung Thành Việt Nam	Nguyễn Thúy Hằng	ThS. Vũ Mai Phương	
289	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH sản xuất Tân Thành	Trần Thị Hồng Hạnh	ThS. Vũ Mai Phương	
290	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Taeyang Việt Nam	Đoàn Ngọc Quỳnh	ThS. Vũ Mai Phương	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
291	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần in Việt Lập Cao Bằng	Nông Thị Thủy	ThS. Vũ Mai Phương	
292	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty cổ phần quốc tế Đại Phong	Vũ Thị Xuân Chi	ThS.Đoàn Thị Phương	
293	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán vật liệu tại Công ty cổ phần quảng cáo và nội thất Gia Phát	Lê Thị Thu Dung	ThS.Đoàn Thị Phương	
294	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty Cổ Phần nhựa Hưng Yên	Nguyễn Hương Linh	ThS.Đoàn Thị Phương	
295	ĐHCQ	Kế toán vật liệu tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Vân Long	Nông Thị Kim Tuyền	ThS.Đoàn Thị Phương	
296	ĐHCQ	Kế toán vật liệu tại Công ty TNHH Phát triển khuôn mẫu CNC Việt Nam	Nguyễn Thị Vân Anh	ThS.Đoàn Thị Phương	
297	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương Công ty Bảo Việt Lạng Sơn	Phùng Hoàng Khôi	ThS.Đoàn Thị Phương	
298	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH gold cable Việt Nam	Đào Thị Thủy Dung	ThS.Vũ Thị Thảo	
299	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP CHANG WON VINA	Tạ Đăng Dương	ThS.Vũ Thị Thảo	
300	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Nhân Giang	Lê Thị Hương Giang	ThS.Vũ Thị Thảo	
301	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần ECG INCORPORATED	Phạm Ngọc Hoa	ThS.Vũ Thị Thảo	
302	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH AN TECH VINA	Phạm Thúy Hồng	ThS.Vũ Thị Thảo	
303	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quốc Khánh	Nguyễn Thị Hà Phương	ThS.Vũ Thị Thảo	
304	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH TM & DV BIG VINA	Nguyễn Trang Dương	ThS.Vũ Thị Thảo	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
305	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH TM & DV Hoàng Hiền	Hoàng Thị Thanh Hằng	TS. Nguyễn Thanh Huyền	
306	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Máy tính Mai Lan	Trần Thị Thu Hằng	TS. Nguyễn Thanh Huyền	
307	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Gia Phong	Nguyễn Thu Trang	TS. Nguyễn Thanh Huyền	
308	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Sản xuất và phát triển thương mại Đại Thành	Phùng Thị Thu Hà	TS. Nguyễn Thanh Huyền	
309	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH SUFAT Việt Nam	Phạm Thị Hồng Nhung	TS. Nguyễn Thanh Huyền	
310	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hateco	Vũ Khánh Linh	TS. Nguyễn Thanh Huyền	
311	ĐHCQ	Hoàn Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Cấp nước Hải Hưng	Đoàn Ngọc Trung	TS. Nguyễn Thanh Huyền	
312	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc	Nguyễn Thu Phương	TS. Nguyễn Thanh Huyền	
313	ĐHCQ	Kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thành Trung	Nguyễn Thúy Thảo	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy	
314	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1 - Hoàng Mai	Vũ Thu Hương	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy	
315	ĐHCQ	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư và thương mại Nari Việt Nam	Dương Thị Bích Liên	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy	
316	ĐHCQ	Kiểm toán khoản mục Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kiểm toán Báo cáo tài chính do công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ASCO thực hiện.	Phùng Ngọc Hà	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
317	DHCQ	Hoàn thiện thủ tục kiểm soát nội bộ quy trình bán hàng và thu tiền tại Công ty TNHH Cao Hải Hoàng	Cao Huy Hoàng	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy	
318	DHCQ	Quy trình kiểm toán chu trình mua hàng- thanh toán trong kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH hãng kiểm toán và định giá ASCO	Đỗ Thị Thu Hường	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy	
319	DHCQ	Kiểm toán khoản mục Tài sản cố định trong báo cáo tài chính do công ty TNHH Kiểm toán tư vấn và Đào tạo quốc tế IVMA thực hiện	Nguyễn Thị Kiều Trinh	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy	
320	DHCQ	Quy trình kiểm toán khoản mục vốn bằng tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH hãng kiểm toán và định giá ASCO thực hiện.	Nguyễn Thị Kim Trúc	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy	
321	DHCQ	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà	Lê Thị Kim Dung	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy	
322	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Công Nghệ Kính MB	Lê Hồng Nhung	TS. Nguyễn Thị Phương	
323	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Hưng Phát MOTORS	Hoàng Thúy Quỳnh	TS. Nguyễn Thị Phương	
324	DHCQ	Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần công nghệ mới GHT Việt Nam	Nguyễn Thị Thảo	TS. Nguyễn Thị Phương	
325	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Chè Nghĩa Lộ	Phan Văn Tuấn	TS. Nguyễn Thị Phương	
326	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và phát triển dịch vụ Ánh Dương	Đào Thúy Quỳnh	TS. Nguyễn Thị Phương	
327	DHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên trong kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH Kiểm toán HDT Việt Nam thực hiện.	Phạm Bá Kiên	TS. Nguyễn T Cẩm Thúy	
328	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và	Hoàng Nhật Bắc	TS. Nguyễn T	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
329	ĐHCQ	các khoản trích theo lương tại công ty TNHH xuất nhập khẩu và thương mại Hòa Phong. Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương	Vũ Thị Cẩm Anh	Cầm Thúy Ths. Trần Đức Hùng	
330	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu	Nguyễn Khắc Cường	Ths. Trần Đức Hùng	
331	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XKQKD tại Công ty TNHH Mind Space	Đinh Thị Thảo Linh	Ths. Trịnh T Thu Hà	
332	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Donarco	Phạm Thị Mơ	Ths. Trịnh T Thu Hà	
333	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần sản xuất thương mại và đầu tư Thuận Đạt	Bạch Thị Ngọc Anh	Ths. Đào Thị Hằng	
334	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Du lịch Kha Phụng	Dương Thị Bích Đào	Ths. Nguyễn Thị Ngoan	
335	ĐHCQ	Bán Hàng Và Xác Định Kết Quả Kinh Doanh Công TY cổ phần cung ứng thiết bị xây dựng Việt Nam	Nguyễn Hồng Hà	Ths. Đào Văn Anh	
336	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty TNHH Ma	Bùi Tuấn Thành	Ths. Đào Văn Anh	
337	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Quang Hưng	Hoàng Ngọc Quỳnh	Ths. Trần Thị Lụa	
338	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH SANDIA	Phạm Thị Thúy Hằng	Ths. Nguyễn Thị Hương	
339	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Indes Machinery Việt Nam	Đỗ Thị Ngọc Anh	Ths. Đỗ Thị Loan	
340	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Xây dựng Minh Dũng HH	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	Ths. Vũ Mai Phương	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
341	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công Ty TNHH Kelen Việt nam	Nguyễn Thị Hà Chi	Ths.Nguyễn T Vân Thanh	
342	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần Hyundai Aluminum Viva	Trần Thị Hoài	Ths.Nguyễn T Hải Hường	
343	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương mại Văn Giang	Phạm Thị Thùy Trang	Ths.Lê Thị Loan	
344	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Việt's Power	Nguyễn Minh An	Ths.Trần Ngọc Lan	
345	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán Bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Bích	Trịnh Tuấn Dũng	Ths.Vũ Thị Thảo	
346	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Chi nhánh công ty Cổ phần Việt's Power	Lê Thị Quỳnh Như	TS. Nguyễn Thanh Huyền	
347	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Bao Bi Việt Hưng	Nguyễn Văn Thành	TS. Nguyễn Thanh Huyền	
348	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Du Trang	Nguyễn Đức Tuấn	Ths.Nguyễn T Thanh Hà	
349	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH ADI Việt Nam	Đình Văn Điệp	Ths.Nguyễn Thị Đào	
350	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty Cổ phần thế giới số Bình Minh	An Thị Thùy Dung	Ths.Nguyễn Thị Đào	
351	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH MTV Công nghệ AT	Dương Hải Hà	Ths.Nguyễn T Phương Hoa	
352	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH ô tô, xe máy Hùng Vân	Quách Thị Huệ	Ths.Nguyễn Thị Huyền	
353	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Khánh Trúc	Trần Thị Bích Ngọc	Ths.Đoàn T Hồng Thịnh	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
354	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH QBG GROUP	Cao Hồng Nhung	Ths.Trịnh Thị Điệp	
355	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Hà Dũng	Vũ Đình Thuấn	Ths.Trịnh Thị Điệp	
356	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Công nghệ YAGI Việt Nam	Phan Anh Tuấn	Ths.Lê Thị Ngọc Ánh	
357	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Doanh nghiệp tư nhân Hưng Hà Tuyên Quang	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Ths.Nguyễn Hải Hà	
358	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Việt Long	Lương Khắc Hào	Ths.Nguyễn Hải Hà	
359	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH bao bì Tân Kim Cương	Hoàng Thu Huyền	Ths.Lê Hồng Kỳ	
360	DHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty sản xuất và thương mại nhựa Nhật Minh	Nguyễn Hồng Nhung	Ths.Trịnh T Thu Hà	
361	DHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại công ty TNHH thiết bị đào tạo và phát triển công nghệ Ngọc HUY	Trần Thu Trang	Ths.Phạm Thu Hương	
362	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Thành Văn	Lê Hà Anh	Ths.Nguyễn Thị Ngọc	
363	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH TM Vũ Hoàng Lê	Vũ Hoàng Long	Ths.Nguyễn Thị Huyền	
364	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô Đồng Phong	Chu Quang Sỹ	Ths.Dương Thị Thiều	
365	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương	Phạm Thị Ánh	Ths.Nguyễn Thanh Bình	
366	DHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Việt Long	Trần Văn Tinh	Ths.Nguyễn Hải Hà	
367	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và thương mại VIGER	Đỗ Văn Liên	Ts. Nguyễn Thanh Huyền	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
368	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần đầu tư và XD Gia Lâm	Thái Minh Ngọc	Ts. Nguyễn Thanh Huyền	
369	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Toàn Mỹ	Vũ Đình Tình	Ts. Nguyễn Thanh Huyền	
370	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Bao bì Việt Anh JSC	Hoàng Thị Yến	Ths. Trần Đức Hùng	
371	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Hòa Bình Thịnh Vượng	Lê Thị Cúc	Ths. Trần Đức Hùng	
372	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Bao bì Việt Hưng	Trần Thị Vân Khánh	Ths. Phạm Thu Hương	
373	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển dịch vụ Gia Long	Nguyễn Văn Chúc	Ths. Đoàn T Hồng Thịnh	
374	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Quốc Tế Toàn Hưng	Trần Thị Thu Hậu	Ths. Lê T Ngọc Ánh	
375	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH cơ khí Dũng Phát	Trịnh Thị Duyên	Ths. Vũ Thị Thảo	
376	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty cổ phần Itech Quốc Tế	Bùi Kim Việt	Ths. Trần Minh Huệ - Ủy viên	
377	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Beuer N&C	Nguyễn Thanh Hiền	Ths. Dương Thị Thiều	
378	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định KQBH tại công ty TNHH thương mại và kỹ Thuật Quốc Tế Huy Khánh	Bùi Thùy Linh	Ths. Nguyễn Thị Hải	
379	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định KQKD tại công ty TNHH ACP Phúc Cường	Nguyễn Minh Anh	Ths. Lê Thị Ngọc Ánh	
380	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định KQKD tại công ty TNHH In ấn và Quảng cáo thương mại Tân Đô	Phạm Ngọc Quỳnh Anh	Ths. Lê Thị Ngọc Ánh	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
381	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và XĐKQ bán hàng tại Công ty cổ phần đầu tư TM và phát triển công nghệ FSI	Nguyễn Thúy Hạnh	Ths.Lê Hồng Kỳ	
382	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tập đoàn Ausdoor	Nguyễn Thị Hồng Gấm	Ths. Dương Thị Thiều	
383	ĐHCQ	HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH KIM KHÍ GIA LÂM	Nguyễn Thị Ly	Ths.Nguyễn Thị Hải	
384	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty TNHH Takagi Việt Nam	Vũ Thị Lệ Quyên	Ths.Phạm Thu Hương	
385	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL, CC-DC tại Công ty TNHH XD Trường Giang	Bùi Phương Hoa	Ths.Lê Hồng Kỳ	
386	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản phải nộp theo lương tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại và phát triển Thành Công	Đỗ Thị Dung	Ths.Trần Thị Lụa	
387	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần Tuấn Nam Trang	Đào Xuân Hiệp	Ts.Nguyễn T Cẩm Thúy	
388	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Haeyoun Innovation Vina	Phạm Thùy Vân	Ts.Nguyễn T Cẩm Thúy	
389	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH sản xuất công nghiệp Phú Vinh	Nguyễn Bảo Yến	Ths.Đỗ Thị Loan	
390	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần thương mại và sản xuất nội thất CA	Trần Thị Bích	Ths.Nguyễn Phương Hạnh	
391	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Hương Phong	Lê Linh Chi	Ths.Nguyễn Phương Hạnh	
392	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương công ty cổ phần công nghệ thông tin và truyền thông Tecapro	Trần Thị Ngọc Diệp	Ths.Nguyễn Hải Hà	
393	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương công ty TNHH thương mại dịch vụ và	Hoàng Thị Hà	Ths.Nguyễn Hải Hà	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		sản xuất Phúc Như			
394	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán cung cấp dịch vụ và xác định kết quả cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ và thương mại Bảo Tín	Nguyễn Thị Thúy Hải	Ths.Nguyễn Hải Hà	
395	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH Thời Trang Star	Hồ Thị Hằng	Ths.Nguyễn Kim Dung	
396	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng - tại công ty CP tổng hợp Hà Nam	Đinh Thị Thu Hòa	Ths.Nguyễn Kim Dung	
397	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty Cổ phần may Hưng Vũ	Bùi Thị Thu Hương	Ths.Đoàn Thị Phương	
398	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty Cổ phần Dược Thú Y Hà Nội - CN Hưng Yên	Nguyễn Thị Huyền	Ths.Đoàn Thị Phương	
399	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH điện tử Việt Nhật	Ngô Đăng Trường Mạnh	Ths.Đào Vân Anh	
400	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty sản xuất kinh doanh thương mại Vạn Xuân	Nguyễn Thị Mơ	Ths.Đào Vân Anh	
401	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL, CCDC tại công ty TNHH XD & Phát triển Tất Thành	Đỗ Ngọc Nam	Ths.Lê Hồng Kỳ	
402	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL, CCDC tại công ty TNHH Quang Hưng	Trần Thị Nga	Ths.Lê Hồng Kỳ	
403	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán Bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH công nghệ & dịch vụ Nhật Việt	Bùi Thị Ngân	Ths.Nguyễn Thị Hải	
404	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán Bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ Tân Thành Đạt	Triệu Thị Ninh	Ths.Nguyễn Thị Hải	
405	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL,CCDC tại công ty TNHH Ngôi nhà Ánh Dương Hưng Yên	Lê Thị Kim Oanh	Ths.Nguyễn Thị Hồng Hạnh	
406	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại cty TNHH TOTO VIỆT NAM - chi nhánh Hưng Yên	Hoàng Thị Thúy Quỳnh	Ths.Nguyễn Thị Hồng Hạnh	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
407	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH hành trình mới Hà Nội	Đào Ngọc Sơn	Ths.Lê Thị Bình	
408	ĐHCQ	HOÀN THIỆN KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH COSMOS VINA	Ngô Thị Thẩm	Ths.Lê Thị Bình	
409	ĐHCQ	HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT CƠ KHÍ GSY VINA	Lê Thị Thoa	Ths.Phạm Thu Hương	
410	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH FORMULA	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Ths.Đỗ Thị Loan	
411	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần tổng hợp Hà Nam	Đào Duy Tiềm	Ths.Đỗ Thị Loan	
412	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH TM và DV Vận tải Bảo Hưng	Đào Thị Uyên	Ths.Trịnh Thị Thu Hòa	
413	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP Ecotech Hưng Yên	Trần Thị Hoa	Ths.Trịnh Thị Điệp	
414	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ngân Hà	Trương Thị Hòa	Ths.Bùi Thị Vân	
415	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán Nguyên Vật Liệu tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Việt Hàn	Lê Thị Nhu	Ths.Nguyễn Thị Đào	
416	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Nhựa AAB	Chu Thị Thúy Hằng	Ths.Nguyễn Thị Thu	
417	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH xây dựng và đầu tư thương mại Việt Phương	Phạm Thị Hương	Ths.Nguyễn Thị Ngọc	
418	ĐHCQ	KẾ TOÁN THUẾ GTGT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KIM TÍN	Đào Thị Hân	Ts. Nguyễn Thị Cẩm Thúy	
419	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phố Thi	Nguyễn Thị Thu Huyền	Ths.Dương Thị Thiều	
420	ĐHCQ	GP nhằm hoàn thiện công tác	Đỗ Hải Nguyên	TS. Đỗ Tiến	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		đào tạo nguồn nhân lực tại Cty TNHH tư vấn thương mại và xây dựng Gia Lâm		Tới	
421	DHCQ	GP nhằm hoàn thiện các chính sách Marketing tại công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì Duy Khánh	Trần Thị Minh Châu	TS. Đỗ Tiến Tới	
422	DHCQ	GP nhằm hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân lực tại công ty TNHH thương mại và XD An Thịnh Đặng Xá	Thái Khắc Đạt	TS. Đỗ Tiến Tới	
423	DHCQ	GP nhằm hoàn thiện các chính sách Marketing tại công ty TNHH thương mại xây dựng và trang trí Trường Sơn	Đinh Thị Thùy Dung	TS. Đỗ Tiến Tới	
424	DHCQ	GP nhằm hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực tại công ty TNHH tư vấn đo đạc và XD Miền Trung	Nguyễn Tuấn Dũng	TS. Đỗ Tiến Tới	
425	DHCQ	GP nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Toàn Mỹ	Nguyễn Hà Giang	TS. Đỗ Tiến Tới	
426	DHCQ	GP nhằm hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân lực tại công ty TNHH xây dựng và san lấp HD	Lương Thu Hà	TS. Đỗ Tiến Tới	
427	DHCQ	GP nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại công ty CP sản xuất thương mại sơn Techome	Phạm Thị Hằng	TS. Đỗ Tiến Tới	
428	DHCQ	Thực trạng quản lý lao động tại HTX nông nghiệp Mai Anh	Nguyễn Thị Hiền	TS. Đỗ Tiến Tới	
429	DHCQ	GP nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động tại công ty TNHH Việt Đức	Triệu Hồng Hiếu	TS. Đỗ Tiến Tới	
430	DHCQ	GP nhằm hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân lực tại công ty TNHH 1 thành viên Hoàng Hiếu	Mai trọng Thành	TS. Đỗ Tiến Tới	
431	DHCQ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tiêu thụ sản phẩm tại công ty điện lưới Miền Bắc	Nguyễn Ngọc Hoàng Hưng	Ths. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
432	DHCQ	Hoàn thiện quy trình đàm phán ký kết hợp đồng xây dựng nhà xưởng của Cty TNHH MTV XD&TM Anh Dũng	Nguyễn Thị Lan Hương	Ths. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
433	DHCQ	Hoàn thiện công tác tổ chức tiền lương tại công ty TNHH Tươi	Nguyễn Thị Thu Huyền	Ths. Kim Thị Hạnh	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
434	ĐHCQ	Sáng Thực trạng hoạt động bán hàng tại công ty TNHH sản xuất dầu tư thương mại Hoàng Tùng	Nguyễn Ngọc Lan	Ths. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
435	ĐHCQ	Giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường tiêu thụ vật liệu, thiết bị lắp đặt tại xây dựng của Công ty cổ phần xây dựng số 10	Nguyễn Hải Linh	Ths. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
436	ĐHCQ	Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản trị bán hàng tại công ty TNHH ADI Việt Nam	Nguyễn Thị Mai	Ths. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
437	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực tại công ty TNHH phát triển dịch vụ và kinh doanh thương mại Phúc Hưng	Nguyễn Thị Minh	Ths. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
438	ĐHCQ	Hoàn thiện hệ thống Marketing mix nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty cổ phần dịch vụ và công nghệ IOT	Nguyễn Thị Văn Minh	Ths. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
439	ĐHCQ	Một số biện pháp tạo động lực tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Alpha Mobile	Nguyễn Thanh Long	Ths. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
440	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn tại công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng Toàn Thắng	Nguyễn Thị Mai	Ths. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
441	ĐHCQ	Giải pháp hoàn thiện chính sách sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng công trình Minh Dương	Đào Thanh Thủy	Ths. Vũ Thị Thắng	
442	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động marketing xuất khẩu của công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Hương Linh	Doãn Thị Thanh Thảo	Ths. Vũ Thị Thắng	
443	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động truyền thông Marketing Online của công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển và TM DV Thành Đô	Nguyễn Thị Phương Uyên	Ths. Vũ Thị Thắng	
444	ĐHCQ	Hoàn thiện chiến lược marketing online cho Công Ty TNHH Đình Cẩm	Trần Thị Minh Thảo	Ths. Vũ Thị Thắng	
445	ĐHCQ	Hoàn thiện hoạt động truyền thông marketing online của Công ty TNHH Sunrise Việt Nam	Nguyễn Thùy Linh	Ths. Vũ Thị Thắng	
446	ĐHCQ	Hoàn thiện chính sách giá cho công ty cổ phần đầu tư xây dựng quốc tế Thành Nam	Vũ Văn Đạo	Ths. Vũ Thị Thắng	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
447	ĐHCQ	Giải pháp marketing mix đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm tại công ty Hợp Thành	Đỗ Anh Phương	Ths. Vũ Thị Thắng	
448	ĐHCQ	Hoàn thiện chính sách marketing của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất và thương mại Hải Tường	Trần Anh Tú	Ths. Vũ Thị Thắng	
449	ĐHCQ	Hoàn thiện kênh phân phối sản phẩm của Chi nhánh Công ty cổ phần nước uống tinh khiết Sài Gòn Sapuwa	Chữ Thị Thanh Nhân	Ths. Vũ Thị Thắng	
450	ĐHCQ	Chiến lược phát triển nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần thương mại công nghệ giám sát HC	Dương Tố Vân	Ths. Vũ Thị Thắng	
451	ĐHCQ	Nghiên cứu hoạt động marketing cho dòng sản phẩm công ty cổ phần gốm sứ Quang Minh	Chữ Thị Phương Anh	Ths. Đỗ Minh Ngọc	
452	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả hoạt động marketing tại Công ty TNHH Môi trường Ngân Anh	Nguyễn Quang Đoàn	Ths. Đỗ Minh Ngọc	
453	ĐHCQ	Phát triển bán hàng online tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Thành	Hà Thanh Hoàng	Ths. Kim Thị Hạnh	
454	ĐHCQ	Giải pháp tạo động lực cho người lao động tại Công ty TNHH MS COSMO	Nguyễn Thị Bích Hồng	Ths. Kim Thị Hạnh	
455	ĐHCQ	Thực trạng tiêu thụ sản phẩm tại Công ty TNHH Thương mại Phương Hải Anh	Đinh Thị Huê	Ths. Kim Thị Hạnh	
456	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tiêu thụ sản phẩm tại công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hùng Anh Linh	Vũ Văn Hùng	Ths. Kim Thị Hạnh	
457	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của công ty cổ phần chế tạo máy biến áp Miba	Ngô Thị Thu Hương	Ths. Kim Thị Hạnh	
458	ĐHCQ	Thực trạng tuyển dụng nhân lực tại Công ty Cổ phần Tiên Hưng	Nguyễn Thị Thu Huyền	Ths. Kim Thị Hạnh	
459	ĐHCQ	Thực trạng trả lương cho người lao động của Công ty TNHH Thương mại Phương Hải Anh	Lê Thị Lan	Ths. Kim Thị Hạnh	
460	ĐHCQ	Thực trạng tuyển dụng nhân lực tại công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Hoàng Huân	Vũ Thị Mỹ Linh	Ths. Kim Thị Hạnh	
461	ĐHCQ	Phát triển thương hiệu Mobifone tỉnh Hải Dương	Vũ Thị Mến	Ths. Kim Thị Hạnh	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
462	ĐHCQ	Thực trạng truyền thông Marketing tại Bệnh viện da khoa Đức Minh - Chi nhánh công ty cổ phần Đức Minh	Vũ Anh Minh	Ths. Kim Thị Hạnh	
463	ĐHCQ	Đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty TNHH YSD VIỆT NAM - Thực trạng và giải pháp	Trần Bảo Phong	Ths. Kim Thị Hạnh	
464	ĐHCQ	Thực trạng chất lượng dịch vụ buồng phòng tại khách sạn Top Hotel	Nguyễn Hữu Hoàng Hiệp	Ths. Đoàn Thị Huệ	
465	ĐHCQ	Giải pháp marketing thu hút khách quốc tế đến lưu trú tại khách sạn Holiday Suites Hotel & Spa sau đại dịch Covid 19	Phạm Thị Hà Thu	Ths. Đoàn Thị Huệ	
466	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động marketing của khách sạn Holiday Suites Hotel & Spa	Nguyễn Thị Khánh Linh	Ths. Đoàn Thị Huệ	
467	ĐHCQ	Thực trạng công tác tạo động lực cho người lao động tại hợp tác xã nông nghiệp Mai Anh	Bùi Thị Mai Anh	Ths. Đoàn Thị Huệ	
468	ĐHCQ	Phân tích hiệu quả kinh doanh của công ty TNHH xếp cách nhiệt Phương Nam	Nguyễn Thị Lan Anh	Ths. Đoàn Thị Huệ	
469	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động marketing-mix của công ty nhựa Việt Hưng	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Ths. Đoàn Thị Huệ	
470	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động Marketing của công ty TNHH thương mại xây dựng và trang trí nội thất Trường Sơn	Vũ Thị Kiều Anh	Ths. Đoàn Thị Huệ	
471	ĐHCQ	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH công nghiệp Shin Yong	Đỗ Thùy Linh	Ths. Đoàn Thị Huệ	
472	ĐHCQ	Thực trạng năng lực cạnh tranh của Công ty TNHH Việt Đức trên thị trường phía Bắc nước ta	Đinh Tuấn Anh	Ths. Đoàn Thị Huệ	
473	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động tiêu thụ sản phẩm tại Công ty TNHH Hoàng Hà 68	Nguyễn Thành Bắc	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh	
474	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo xuất khẩu lao động làm việc tại Nhật Bản của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Nam Bảo	Nguyễn Minh Chiến	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh	
475	ĐHCQ	Thực trạng kênh phân phối sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ tại công ty Bảo hiểm Bưu điện Thủ Đô	Nguyễn Văn Cường	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
476	DHCQ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tuyển dụng nguồn nhân lực tại công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hương Linh	Đỗ Tiến Dũng	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh	
477	DHCQ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động Marketing-mix cho sản phẩm xe máy Suzuki tại công ty Cổ phần Thanh Mai Motor - tỉnh Hà Giang	Đỗ Thùy Dương	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh	
478	DHCQ	Một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm xe ô-tô tại công ty TNHH Tâm Thanh	Nguyễn Thị Hà	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh	
479	DHCQ	Một số giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động tiêu thụ sản phẩm của Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Công Nghiệp Á Châu Global	Nguyễn Thị Hoa	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh	
480	DHCQ	Một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động Marketing tại Công ty TNHH Sản Xuất Giấy và Bao Bì Duy Khánh	Khổng Văn Hoàng	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh	
481	DHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Pha Lê Việt Tiệp Thái Bình	Phạm Thị Hồng	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh	
482	DHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân lực của công ty TNHH Phát Triển Đầu Tư và Thương Mại Minh Anh	Tạ Bá Nghĩa	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh	
483	DHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Việt Hà Nội	Nguyễn Thị Yên	Ths. Phạm Minh Đức	
484	DHCQ	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị marketing trong công ty TNHH Dịch vụ Tài nguyên và Môi trường Bình Minh	Trần Thị Quyên	Ths. Phạm Minh Đức	
485	DHCQ	Giải pháp tạo động lực cho người lao động tại công ty TNHH Coats Phong Phú.	Nguyễn Thị Nga	TS. Lê Minh Hạng	
486	DHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân lực tại Công Ty TNHH Hoàng Dương	Dương Minh Ngọc	TS. Lê Minh Hạng	
487	DHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo nhân lực tại CTY TNHH bắt động sản MLAND MIỀN BẮC	Đặng Thị Như	TS. Lê Minh Hạng	
488	DHCQ	Thực trạng hoạt động Digital	Trịnh Văn Phúc	TS. Lê Minh	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Marketing tại công ty CP kho vận Vietfracht Hưng Yên		Hạnh	
489	ĐHCQ	Giải pháp tạo động lực cho người lao động tại công ty TNHH điện tử Shin - Etsu Việt Nam	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	TS. Lê Minh Hạnh	
490	ĐHCQ	Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ em của Công ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nutricare	Nguyễn Thanh Tâm	TS. Lê Minh Hạnh	
491	ĐHCQ	Giải pháp tạo động lực làm việc cho nhân viên tại Công ty Cổ Phần Cơ Khí DTH VINA	Kiều Minh Tân	TS. Lê Minh Hạnh	
492	ĐHCQ	Thực trạng công tác đào tạo nhân lực tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Hưng Phát Hưng Yên	Quản Lê Tân	TS. Lê Minh Hạnh	
493	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân lực tại công ty cổ phần đầu tư thương mại Đông Dương Land	Giàng Seo Thanh	TS. Lê Minh Hạnh	
494	ĐHCQ	Giải pháp hoàn thiện kênh phân phối của Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Đoàn Kết	Bùi Thị Phương Thảo	TS. Lê Minh Hạnh	
495	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân lực tại công ty cổ phần xây dựng Thành Đô - Bắc Giang	Giáp Văn Hiếu	TS. Lê Minh Hạnh	
496	ĐHCQ	Thực trạng quản trị bán hàng tại Công ty cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung	Nguyễn Đăng Hoàng Anh	Ths. Phạm Linh Chi	
497	ĐHCQ	Thực trạng tuyển dụng nhân sự tại công ty cổ phần Dược Mỹ Phẩm Việt Á	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Ths. Đoàn Thị Huệ	
498	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng tại bưu điện thị xã Mỹ Hào	Trần Thị Phương Anh	Ths. Phạm Linh Chi	
499	ĐHCQ	Phát triển chiến lược marketing trực tuyến cho công ty cổ phần công nghệ Hoa Mai	Nguyễn Văn Bình	Ths. Phạm Linh Chi	
500	ĐHCQ	Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Hợp tác xã nông nghiệp Mai Anh	Trần Văn Chiến	Ths. Phạm Linh Chi	
501	ĐHCQ	Thực trạng chăm sóc khách hàng tại công ty cổ phần chứng khoán BOS	Mai Thành Đạt	Ths. Phạm Linh Chi	
502	ĐHCQ	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty	Nguyễn Phạm Văn Dũng	Ths. Phạm Linh Chi	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
503	ĐHCQ	TNHH Hoa Việt Thực trạng tuyển dụng nhân sự tại Công ty cổ phần may và dịch vụ Hưng Long	Vũ Thùy Dương	Ths. Phạm Linh Chi	
504	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực tại công ty trách nhiệm hữu hạn Phú Cường	Lê Thị Hà	Ths. Phạm Linh Chi	
505	ĐHCQ	Thực trạng tuyển dụng nhân sự tại Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ DHD Việt Nam	Phạm Hồng Nhung	Ths. Phạm Linh Chi	
506	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Huy Toàn	Lê Thị Thu Hiền	Ths. Trịnh Thị Hồng Thái	
507	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực tại công ty TNHH MAYUJYU VIỆT NAM	Lê Trung Hiếu	Ths. Trịnh Thị Hồng Thái	
508	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty Cổ phần Phú Hưng	Lê Văn Hóa	Ths. Trịnh Thị Hồng Thái	
509	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty Cổ phần Tân Thanh Hưng Yên	Phạm Trọng Hoàng	Ths. Trịnh Thị Hồng Thái	
510	ĐHCQ	Thực trạng vận dụng marketing mix nhằm phát triển hoạt động dịch vụ vận tải của công ty TNHH Thành Công	Lê Thị Huế	Ths. Trịnh Thị Hồng Thái	
511	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty TNHH Dịch vụ Tài nguyên và Môi trường Bình Minh	Nguyễn Thị Thu Huệ	Ths. Trịnh Thị Hồng Thái	
512	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện chế độ đãi ngộ lao động tại Công ty TNHH 1 thành viên số số kiến thiết Hà Nam	Hoàng Huy Hùng	Ths. Trịnh Thị Hồng Thái	
513	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp quản trị chất lượng tại Công ty cổ phần Công nghệ Xây dựng Hoa Mai	Nguyễn Thanh Huyền	Ths. Trịnh Thị Hồng Thái	
514	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng BOX VIỆT NAM	Phan Văn Khải	Ths. Trịnh Thị Hồng Thái	
515	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp phát triển hoạt động Logistics tại công ty Cổ phần Giao nhận và vận tải Quang Trung	Bùi Duy Thắng	Ths. Trịnh Thị Hồng Thái	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
516	DHCQ	Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tại công ty Thành An	Hồ Thị Tân	TS. Đào Văn Tú	
517	DHCQ	Quản trị nhân lực tại doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Công Chiêu	Nguyễn Văn Trường	TS. Đào Văn Tú	
518	DHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân lực tại Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Hưng Phát Hưng Yên	Phạm Quỳnh Thương	Ths. Nguyễn Thị Thùy	
519	DHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Công nghiệp & Môi Trường Việt Nam	Nguyễn Thị Ngân Thùy	Ths. Nguyễn Thị Thùy	
520	DHCQ	Giải pháp Marketing nhằm nâng cao hiệu quả tiêu thụ sản phẩm của chi nhánh Công ty TNHH Mediworld	Đinh Thị Thu Trang	Ths. Nguyễn Thị Thùy	
521	DHCQ	Hoàn thiện kênh phân phối sản phẩm của Công ty cổ phần quốc tế Phương Anh	Nguyễn Minh Trang	Ths. Nguyễn Thị Thùy	
522	DHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo và phát triển nhân lực tại chi nhánh Công ty CP UNIBEN	Vũ Thị Thu Trang	Ths. Nguyễn Thị Thùy	
523	DHCQ	Nghiên cứu các chính sách marketing của Công ty Đầu tư Thương mại và vận tải Anh Minh	Đỗ Thị Thanh Tú	Ths. Nguyễn Thị Thùy	
524	DHCQ	Công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty TNHH sản xuất phụ tùng ô tô xe máy Hưng Yên (AMA)	Vũ Thị Thu Uyên	Ths. Nguyễn Thị Thùy	
525	DHCQ	Phát triển thị trường cho sản phẩm thiết bị nhà bếp của công ty TNHH Nehob Việt Nam	Đào Thị Hải Yến	Ths. Nguyễn Thị Thùy	
526	DHCQ	Thực trạng hoạt động truyền thông marketing của Công ty cổ phần GMP GROUPS	Phạm Duy Anh	Ths. Nguyễn Thị Thùy	
527	DHCQ	Nghiên cứu về quy trình phục vụ buồng tại khách sạn Á Đông	Nguyễn Thị Phương Thảo	Ths. Nguyễn Thị Thùy	
528	DHCQ	Chiến lược mở rộng quy mô thị trường trong tình hình dịch bệnh Covid-19 tại công ty CP Nhựa Super Trường Phát	Lê Thị Ngân	Ths. Đỗ Thị Nhài	
529	DHCQ	Giải pháp marketing nhằm phát triển thị trường cho khách sạn Phương Anh	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Ths. Đỗ Thị Nhài	
530	DHCQ	Xây dựng và phát triển thương	Nguyễn Minh	Ths. Đỗ Thị	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		hiệu tại Công ty Cổ phần Gốm sứ Quang Minh	Ngọc Anh	Nhài	
531	ĐHCQ	Tổ chức và quản trị kênh phân phối tại công ty TNHH Điện Tử Hương Quang	Đỗ Quốc Đạt	Ths. Đỗ Thị Nhài	
532	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả hoạt động bán hàng tại công ty Cổ Phần Kim Loại Màu Tuyên Quang	Bùi Văn Hải	Ths. Đỗ Thị Nhài	
533	ĐHCQ	Chiến lược truyền thông marketing nhằm phát triển sản phẩm thương mại điện tử C2C – nghiên cứu trường hợp điển hình tại sản phẩm TMDT xetai123.vn	Phạm Thị Như Hoa	Ths. Đỗ Thị Nhài	
534	ĐHCQ	Chiến lược Marketing cho doanh nghiệp khởi nghiệp - Nghiên cứu trường hợp điển hình tại Công Ty TNHH TT Trucks Việt Nam	Nguyễn Thị Huệ	Ths. Đỗ Thị Nhài	
535	ĐHCQ	Giải pháp marketing nhằm phát triển thị trường tiêu thụ tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ XNK APEC	Đặng Ngọc Lâm	Ths. Đỗ Thị Nhài	
536	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ nhà hàng tại khách sạn Green House Đà Nẵng	Trần Ngọc Mai	Ths. Đỗ Thị Nhài	
537	ĐHCQ	Thực trạng tổ chức hoạt động lễ tân tại khách sạn Green House Đà Nẵng	Bùi Thuỳ Linh	Ths. Đỗ Thị Nhài	
538	ĐHCQ	Giải pháp nhằm hoàn thiện các chính sách marketing tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Nam Bảo	Mai Tuyết Nhung	Ths. Nguyễn Thị Ngát	
539	ĐHCQ	Đào tạo lao động tại Công ty TNHH XNK thương mại và dịch vụ Thăng Tiến	Bùi Mạnh Thành	Ths. Nguyễn Thị Ngát	
540	ĐHCQ	Hoàn thiện hoạt động Marketing tại Công ty Cổ phần Giáo dục Edutech Việt Nam	Dương Linh Trang	Ths. Nguyễn Thị Ngát	
541	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực tại công ty TNHH Bắc Ninh Work	Nguyễn Đức Trường	Ths. Nguyễn Thị Ngát	
542	ĐHCQ	Đánh giá thực trạng công tác tuyển dụng lao động của HTX vận tải Đồng Mô	Phạm Mạnh Tú	Ths. Nguyễn Thị Ngát	
543	ĐHCQ	Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Thành Công	Cao Phương Thủy	Ths. Bùi Minh Đức	
544	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác tạo động lực cho người lao động tại Công ty	Hà Thị Huyền Trang	Ths. Bùi Minh Đức	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Cô phần Công nghệ xây dựng Hoa Mai			
545	DHCQ	Thực trạng truyền thông marketing của công ty cổ phần Công nghiệp PSI Việt Nam	Đinh Công Thắng	TS. Nguyễn Quang Hiệp	
546	DHCQ	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện hoạt động Marketing tại công ty TNHH Khánh Trúc	Ngô Quang Thính	TS. Nguyễn Quang Hiệp	
547	DHCQ	Giải pháp tạo động lực cho người lao động tại Công ty cổ phần đúc CNC Việt Nam	Nguyễn Thị Bích Riệp	TS. Đỗ Tiến Tới	
548	DHCQ	Giải pháp Marketing nhằm thu hút các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	Lê Thị Tươi	Ths. Nguyễn Thị Ngọc Anh	
549	DHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty TNHH Cơ điện - Vận tải và Thương mại ESUN	Nguyễn Hữu Minh	TS. Đỗ Tiến Tới	
550	DHCQ	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty	Phạm Tiến Hoàng	Ths. Nguyễn Thị Ngọc Anh	
551	DHCQ	Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Hà Yên IND	Trần Đình Long	TS. Đỗ Tiến Tới	
552	DHCQ	Thực trạng và giải pháp phát triển thương hiệu công ty cổ phần đô thị và thương mại Trảng An.	Lý Hoàng Long	Ths. Đoàn Thị Huệ	
553	DHCQ	Xây dựng và phát triển thương hiệu tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Xây dựng Tiến Đạt Hưng Yên	Vũ Ngọc Thành	Ths. Nguyễn Thị Ngọc Anh	
554	DHCQ	Lợi nhuận tại công ty cổ phần Ao Vua - Chi nhánh du lịch Đảo Ngọc Xanh	Lê Thị Thủy Tiên	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền	
555	DHCQ	Doanh thu và một số giải pháp tăng doanh thu tại công ty may xuất khẩu và thương mại Vĩnh Thịnh - TNHH	Nguyễn Xuân Bách	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền	
556	DHCQ	Hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH hóa dầu T&T Hải Dương	Vũ Minh Đức	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền	
557	DHCQ	Hiệu quả sử dụng TSCĐ tại công ty TNHH KCI VINA	Nguyễn Vũ Kiên	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền	
558	DHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn cố định tại Công ty TNHH Shinjo Việt Nam	Nguyễn Thị Mai	Ths. Trương Thị Bích	
559	DHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng Icons Việt Nam	Bùi Diệu Linh	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
560	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH kinh doanh thương mại và sản xuất Phương Nam	Phùng Khánh Linh	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền	
561	ĐHCQ	Lợi nhuận và các giải pháp nâng cao lợi nhuận tại công ty TNHH phát triển đô thị Phúc Hoàng	Nguyễn Thị Thu Huệ	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền	
562	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm nâng cao lợi nhuận tại công ty xây dựng 20-11	Hoàng Huy Mạnh	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền	
563	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định tại công ty TNHH xây dựng Đức Hiếu	Nguyễn Tùng Lâm	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền	
564	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty Cổ Phần Xây Dựng và Thương Mại Lam Sơn	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ths. Trương Thị Bích	
565	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính công ty Cổ phần xây dựng và thương mại 136	Nguyễn Thị Duyên	Ths. Trương Thị Bích	
566	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty cổ phần công nghiệp và năng lượng tái tạo Vimetco	Nguyễn Thị Thủy Ngân	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền	
567	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty cổ phần dầu tư xây dựng Nam Thành	Lê Việt Long	Ths. Trương Thị Bích	
568	ĐHCQ	Tình hình quản lý và hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH Kelen Việt Nam	Trần Trọng Cảnh	Ths. Trương Thị Bích	
569	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty TNHH sơn PNA Việt Nam	Nguyễn Thị Thanh Nga	Ths. Đỗ Thị Quỳnh Anh	
570	ĐHCQ	Đề tài: Phân tích tình hình tài chính tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số điện toán Việt Nam	Đỗ Đức Duy	Ths. Phạm Thị Mị	
571	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ & thương mại ô tô Phương Thuận Phát	Trần Nhật Linh	Ths. Đỗ Thị Quỳnh Anh	
572	ĐHCQ	HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT- THƯƠNG MẠI CPT VIỆT NAM	Vũ Hải Anh	Ths. Phạm Thị Mị	
573	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Đông Đô	Bùi Công Chân	Ths. Trần Thị Lương	
574	ĐHCQ	HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN	Nguyễn Thị	Ths. Phạm Thị	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
575	ĐHCQ	LIU ĐỘNG TAI CÔNG TY CỔ PHẦN BIGRFEED HUNG YÊN Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty cổ phần kiến trúc Việt	Ngọc Ánh Phạm Minh Sơn	Mị Ths. Trần Thị Lương	
576	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty TNHH dịch vụ Ngọc Minh Anh	Phạm Thị Thanh Nga	Ths. Bùi Thị Yên	
577	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH xây dựng Dương Minh Tú	Nguyễn Trâm Anh	Ths. Đỗ Thị Quỳnh Anh	
578	ĐHCQ	Khả năng thanh toán tại công ty TNHH Phú Vượng	Hoàng Minh Hiếu	Ths. Bùi Thị Yên	
579	ĐHCQ	Phân tích cơ cấu tài sản và nguồn vốn của công ty TNHH Ngọc Khánh Hưng Yên	Phạm Quỳnh Anh	Ths. Trần Thị Lương	
580	ĐHCQ	PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN PHÚC LỘC	Lê Minh Thúy	Ths. Phạm Thị Mị	
581	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Trần Thùy Linh	Ths. Bùi Thị Yên	
582	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại và phát triển QKD	Mai Văn Hai	Ths. Trần Thị Lương	
583	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty TNHH MTV Việt Bảo Gia	Vũ Thị Xuân	Ths. Phạm Thị Mị	
584	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Việt Hưng	Ong Thị Thùy Trang	Ths. Bùi Thị Yên	
585	ĐHCQ	Tình hình công nợ và khả năng thanh toán của Công ty cổ phần công nghiệp Việt Nhật HTVJ	Hoàng Thị Khuy	Ths. Đỗ Thị Quỳnh Anh	
586	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty cổ phần may và thương mại Tiên Lữ	Nguyễn Hùng Phúc	Ths. Quán Thị Huyền	
587	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty Cổ phần công nghệ và tư vấn Anco	Vương Ngọc Bích	Ths. Lê Thị Hằng	
588	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Hà Nội	Trần Thị Tú Linh	Ths. Quán Thị Huyền	
589	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ tài nguyên và môi	Vũ Thùy Linh	Ths. Lê Thị Hằng	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
590	ĐHCQ	trường Trường Phú Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty TNHH Bình Quyền	Lê Đăng Việt	Ths. Lê Thị Hằng	
591	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty cổ phần nam châm Việt Nam	Phạm Anh Tuấn	Ths. Quán Thị Huyền	
592	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty TNHH 1 thành viên vàng bạc Thành Nhung	Bùi Tuyết Mai	Ths. Quán Thị Huyền	
593	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH và thương mại tổng hợp Đức Hiếu	Lê Sỹ Thành	Ths. Lê Thị Hằng	
594	ĐHCQ	Nâng cao khả năng thanh toán tại công ty TNHH Hữu Hào	Lê Thị Phương Anh	Ths. Trần Thu Nga	
595	ĐHCQ	Phân tích khả năng thanh toán của Công ty CP dược phẩm Nam Hà	Phạm Thu Trang	Ths. Lê Thị Hằng	
596	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại Hưng Yên	Phan Thị Kim Thoan	Ths. Quán Thị Huyền	
597	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại Công ty cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ Phát Lộc	Nguyễn Thị Thu Thủy	Ths. Trần Thu Nga	
598	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại và chế biến lâm sản Đức Việt	Vũ Huyền Diệu	Ths. Trần Thu Nga	
599	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại Công ty TNHH Khang Đạt An	Kiều Ngọc Ánh	Ths. Trần Thu Nga	
600	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại Công ty TNHH Nova Corp Vina	Nguyễn Phương Nam	Ths. Lê Thị Hằng	
601	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại Công ty TNHH Thương mại dầu tư xuất nhập khẩu Thái Dương	Đặng Diễm Quỳnh	Ths. Trần Thu Nga	
602	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay đối với hộ sản xuất-kinh doanh ở ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh Thành Nam.	Dương Tuấn Anh	Ths. Phạm Hồng Hạnh	
603	ĐHCQ	Chất lượng tín dụng khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP BẮC Á - chi nhánh Hưng Yên	Hoàng Đức Anh	Ths. Phạm Hồng Hạnh	
604	ĐHCQ	Giải pháp tăng cường huy động vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Hưng Yên – PGD Văn Lâm	Trần Văn Khiêm	Ths. Phạm Hồng Hạnh	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
605	DHCQ	“Phân tích tình hình cho vay Xóa đói giảm nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội quận Long Biên - TP Hà Nội”	Phạm Quang Huy	Ths. Bùi Tiến Thịnh	
606	DHCQ	“Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên”	Đào Thị Ngọc Huyền	Ths. Bùi Tiến Thịnh	
607	DHCQ	“Mở rộng cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam - Phòng giao dịch Văn Lang”	Đỗ Thị Thùy Linh	Ths. Bùi Tiến Thịnh	
608	DHCQ	“Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay Khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Phố Hiến”	Nguyễn Thùy Linh	Ths. Bùi Tiến Thịnh	
609	DHCQ	“Giải pháp nâng cao hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Bru Điện Liên Việt – Phòng giao dịch Tiên Yên”	Lê Thị Linh	Ths. Bùi Tiến Thịnh	
610	DHCQ	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi nhánh Hà Nội	Đỗ Văn Tuấn	Ths. Trần Thị Thanh Vân	
611	DHCQ	Hiệu quả huy động vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á - chi nhánh Hà Nội	Phạm Thị Thu Trang	Ths. Trần Thị Thanh Vân	
612	DHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng cho vay KHCN tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -Chi nhánh Bắc Hưng Yên	Chu Thị Ngọc Trâm	Ths. Trần Thị Thanh Vân	
613	DHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn tại NHNO&PTNT- Chi nhánh huyện Bắc Hà	Trần Quang Trung	Ths. Trần Thị Thanh Vân	
614	DHCQ	Phát triển dịch vụ Smart – Banking ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hưng Yên	Đỗ Thị Ngọc Ánh	Ths. Trần Thị Thanh Vân	
615	DHCQ	Nâng cao chất lượng tín dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - chi nhánh Đông Đô	Đặng Thị Linh Trang	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng	
616	DHCQ	Hiệu quả vốn huy động từ tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện	Lò Thị Vân	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
617	ĐHCQ	Mai Sơn, tỉnh Sơn La Mở rộng hoạt động cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Nguyễn Chí Dương	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng	
618	ĐHCQ	Giải pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên - Phòng giao dịch Khoái Châu	Trần Xuân Bách	Ths. Luyện Thùy Dung	
619	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hưng Yên – Phòng giao dịch Khoái Châu	Đỗ Huy Du	Ths. Luyện Thùy Dung	
620	ĐHCQ	Phát triển hoạt động tín dụng bán lẻ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Tuyên Quang	Cao Nam Giang	Ths. Luyện Thùy Dung	
621	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Văn Lâm, Hưng Yên II	Lê Thanh Hoa	Ths. Luyện Thùy Dung	
622	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng bán lẻ ở Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển- chi nhánh Phúc Yên	Nguyễn Ngọc Thịnh	Ths. Luyện Thùy Dung	
623	ĐHCQ	Giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam chi nhánh Bắc Giang	Nguyễn Doãn Thuận	Ths. Vũ Thị Thùy Dung	
624	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Quang Trung – Hà Nội	Trần Xuân Việt	Ths. Vũ Thị Thùy Dung	
625	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam Chi nhánh Yên Định	Vũ Xuân Trường	Ths. Vũ Thị Thùy Dung	
626	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	Đào Việt Nam	Ths. Nguyễn Hữu Quý	
627	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn tại ngân hàng	Nguyễn Trọng Thiện	Ths. Nguyễn Hữu Quý	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
628	ĐHCQ	BIDV chi nhánh Hà Nam Mở rộng dịch vụ bán lẻ tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang	Trần Nam Phong	Ths. Nguyễn Hữu Quý	
629	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng cho vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Phù Cừ tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Hồng Ngọc	Ths. Nguyễn Hữu Quý	
630	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hưng Yên	Trần Quang Linh	Ths. Nguyễn Hữu Quý	
631	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hà Giang	Nguyễn Đức Thắng	Ths. Nguyễn Hữu Quý	
632	ĐHCQ	Phát triển dịch vụ ngân hàng số tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam	Đỗ Thị Hương	Ths. Vũ Thị Thùy Dung	
633	ĐHCQ	Giải pháp phát triển dịch vụ Mobile banking tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hưng Yên	Hà Kiều Anh	Ths. Vũ Thị Thùy Dung	
634	ĐHCQ	Phát triển dịch vụ ngân hàng số tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt Chi nhánh Hà Giang	Nguyễn Khánh Linh	Ths. Vũ Thị Thùy Dung	
635	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Công ty TNHH Anh Duy Vina	Lê Anh Tuấn	Ths. Vũ Thị Hà	
636	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao doanh thu của Công ty cổ phần Nhất Tín	Dương Thị Huyền Trang	Ths. Vũ Thị Hà	
637	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Khánh Trúc	Tạ Đức Bình	Ths. Hoàng Thị Duyên	
638	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH Aruna Việt Nam	Hoàng Thị Thanh	Ths. Hoàng Thị Duyên	
639	ĐHCQ	Mở rộng hoạt động tín dụng bán lẻ tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Bắc Hưng Yên	Đỗ Đức Dương	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng	
640	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng tín dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tây Hồ	Lê Ngọc Lâm	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
641	ĐHCQ	Hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Hà Nội	Nguyễn Đình Nhật Anh	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng	
642	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Bình Giang	Bùi Thanh Lâm	Ths. Phạm Hồng Hạnh	
643	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	Nguyễn Tùng Lâm	Ths. Phạm Hồng Hạnh	
644	ĐHCQ	Một số giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank) - Chi nhánh Long Biên	Nguyễn Duy Anh	Ths. Phạm Hồng Hạnh	
645	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp tại Hợp tác xã Thanh Kỳ	Lương Trọng Hùng	Ths. Quán Thị Thu Huyền	
646	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ Phát Lộc	Chu Thị Thu Hằng	Ths. Trần Thu Nga	
647	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty cổ phần văn phòng phẩm Hồng Hà	Trịnh Đình Hải	Ths. Trần Thu Nga	
648	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty cổ phần trắc địa bản đồ và tài nguyên môi trường Trường Phú	Phạm Thị Thu Thủy	Ths. Bùi Thị Yên	
649	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính của công ty TNHH sản xuất đầu tư và thương mại Đại Dương xanh	Trịnh Văn Trung	Ths. Trần Thị Lương	
650	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên Hùng Lan Bắc Giang	Nguyễn Đức Hoàng	Ths. Lê Thị Hằng	
651	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại thiết bị xăng dầu HAPECO	Lê Tuấn Dương	Ths. Đỗ Thị Quỳnh Anh	
652	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế Toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần may Hưng Phát T&M	Hoàng Thị Châm	Ts. Nguyễn T Cẩm Thúy	
653	ĐHVLVH	HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH MAY CÔNG MINH	Uông Xuân Chính	Ts. Nguyễn T Cẩm Thúy	
654	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH Đầu tư Xây	Nguyễn Kim Cúc	Ths. Nguyễn Hải Hà	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
655	ĐHVLVH	Dựng Mobitel Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công Ty Cổ Phần May Hưng Phát T&M.	Trần Xuân Điền	Ths.Nguyễn Hải Hà	
656	ĐHVLVH	Hoàn thành kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Đại Thanh	Nguyễn Thị Giang	Ths.Đào Thị Hằng	
657	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH kinh doanh và xuất nhập khẩu HDC	Nguyễn Thị Thu Hà	Ts.Nguyễn Thanh Huyền	
658	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH kinh doanh và xuất nhập khẩu HDC	Lê Quang Hải	Ts.Nguyễn Thanh Huyền	
659	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán NVL, CCDC tại Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ Nhất Nguyên	Đỗ Đức Hạnh	Ths.Đào Văn Anh	
660	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty Cổ phần bê tông miền Bắc	Lê Thị Hồng	Ths. Trần Ngân Hà	
661	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Phố Nối A	Trần Đình Huân	Ths.Nguyễn Thị Hương	
662	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất HHD	Mai Thị Huế	Ths. Phạm Thị Thu Hương	
663	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Nam Anh	Trần Thị Huế	Ths.Phạm Thị Hậu	
664	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH SXDV và TM Khang Thịnh	Nguyễn Thị Sánh	Ths.Dương Thị Thiều	
665	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH INTECH COLOR Việt Nam	Nguyễn Thị Sơn	Ths.Đặng Thị Mai	
666	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Chung Phát - Hưng Yên	Vũ Đình Sơn	Ths.Trần Thị Lụa	
667	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty TNHH công nghệ Eline	Vũ Quang Thế	Ths.Trịnh Thị Thu Hà	

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
668	ĐHVLVH	Việt Nam Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Dinh Dưỡng Lạc Hồng	Hoàng Văn Thích	Ths.Trần Ngọc Lan	
669	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Bình Minh Hưng Yên	Nguyễn Văn Thuấn	Ths.Nguyễn Thanh Bình	
670	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH sản xuất thương mại và xây dựng Trương Nguyễn	Bùi Thị Thúy	Ths.Nguyễn Thị Ngoan	
671	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần QC Hưng Yên	Phan Văn Tuấn	Ths.Trần Đức Hùng	
672	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Haeyoun Innovation Vina	Nguyễn Văn Việt	Ths.Trần Minh Huệ	
673	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SX và thương mại TKG	Vũ Thanh Bình	Ths.Dương Thị Thiệu	
674	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thương mại Thế Anh	Phan Văn Duy	Ths. Trần Đức Hùng	
675	ĐHVLVH	Hoàn Thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Thịnh Phát Hà Nội	Nguyễn Thành Công	Ths.Trần Thị Lụa	
676	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán TL và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần QC Hưng Yên	Trần Anh Tuấn	Ts. Nguyễn Thanh Huyền	
677	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán TL và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH dược phẩm Ngọc Quý	Trần Thái Bảo	Ths. Trịnh T Thu Hà	
678	ĐHVLVH	Hoàn thiện kế toán TL và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH phân phối thiết bị số đa phúc	Đào Khắc Sơn	Ths. Vũ Thị Thảo	

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo quốc tế: Kinh doanh trên nền tảng công nghệ số	11/2021	ĐH Tài chính - QTKD, ĐH Tài chính – Marketing, ĐH Thái Nguyên	100
2	Hội thảo quốc gia: Chính sách tài chính nhằm phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	05/2022	ĐH Tài chính – Quản trị kinh doanh	100
3	Hội thảo quốc gia: Kế toán, Kiểm toán và Tài chính Việt Nam trong bối cảnh mới	06/2022	ĐH Tài chính – Quản trị kinh doanh	100

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Phát triển kinh tế trang trại tại huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên – Những vấn đề đặt ra	- ThS. Nguyễn Thị Ngát - Chủ nhiệm - Thư ký: ThS. Đoàn Thị Huệ - ThS. Nguyễn Thị Thùy - ThS. Nguyễn Thị Thu Linh		9/2021	20.000.000	
2	Nâng cao chất lượng Tạp chí Tài chính – Quản trị kinh doanh	TS. Đào Văn Tú - Chủ nhiệm - Thư ký: ThS. Đỗ Minh Ngọc - CN. Nguyễn Thị Thanh Thủy		11/2021	60.000.000	
3	Quản lý chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo tại huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	ThS. Trần Thị Lụa - Chủ nhiệm - Thư ký: ThS. Nguyễn Thị Ngọc - ThS. Nguyễn Thị Thu - ThS. Lê Thị Ngọc Ánh		6/2021	20.000.000	
4	Kế toán quản trị chi	TS. Nguyễn Thanh		5/2021	20.000.000	

	phí môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Huyền - Chủ nhiệm - Thư ký: ThS. Nguyễn T Phương Hoa - ThS. Bùi Thị Vân - ThS. Nguyễn Thị Hương - ThS. Đào Thị Hằng				
5	Phát triển hoạt động logistics trên địa bàn huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	ThS. Trương Thị Thanh Loan - Chủ nhiệm - Thư ký: ThS. Lê Ngọc Thom - ThS. Đinh Thị Thu Huyền - ThS. Đỗ Thị Huyền Thanh - ThS. Hoàng Thị Nhung		10/2021	20.000.000	
6	Nâng cao hiệu quả công tác đoàn tại trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	ThS. Đỗ Văn Dũng - Chủ nhiệm - Thư ký: ThS. Cao Thị Hằng - ThS. Nguyễn Thị Hải Yến - ThS. Nguyễn Đức Trung - ThS. Vũ Thị Hà - ThS. Vũ Đức Anh		10/2021	20.000.000	
7	Hoàn thiện văn hóa tổ chức tại trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	ThS. Lê Thị Thu Hà - Chủ nhiệm - Thư ký: ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh - TS. Đoàn Thị Thanh Tâm - ThS. Trương Thị Tuyết Nhung		9/2021	20.000.000	
8	Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng, trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	TS. Nguyễn Thị Bích Diệp - Chủ nhiệm - Thư ký: TS. Nguyễn Thị Liên - ThS. Vũ Thị Hà - ThS. Phạm Thị Mị - ThS. Hoàng Thị Duyên		9/2021	60.000.000	
9	Công tác đánh giá kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	ThS. Nguyễn Thị Bích Hương - Chủ nhiệm - Thư ký: ThS. Đỗ T Kim Thoa - TS. Đỗ Thị Minh Nhâm - ThS. Bùi Minh Đức - ThS. Đỗ Việt Hùng		9/2021	20.000.000	
10	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản	ThS. Cao Thị Tho - Chủ nhiệm		10/2021	20.000.000	

	trị trường học tại trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh: Thực trạng và giải pháp	- Thư ký: ThS. Đỗ Thị Vui - ThS. Tạ Duy Khánh - ThS. Nguyễn Văn Thế				
11	Hoạt động truyền thông marketing cho công tác tuyển sinh của trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	ThS. Đỗ Thị Nhài - Chủ nhiệm - Thư ký: ThS. Vũ Thị Thắng - ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh - TS. Nguyễn Quang Hiệp		9/2021	60.000.000	
12	Hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	TS. Lê Tuấn Hiệp - Chủ nhiệm - TS. Nguyễn Huy Cường - ThS. Vũ Văn Hoàng ThS. - Nguyễn Việt Hưng - ThS. Đỗ Văn Dũng		11/2021	60.000.000	
13	Tổ chức kế toán quản trị chi phí, giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp may trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	ThS. Đoàn Thị Hồng Thịnh - Chủ nhiệm - ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh - ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà - ThS. Nguyễn Thị Huyền		6/2022	25.000.000	
14	Tổ chức kế toán trách nhiệm tại các công ty thành viên của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	TS. Nguyễn Thanh Huyền - Chủ nhiệm - ThS. Bùi Thị Vân - ThS. Nguyễn Thị Hương - ThS. Nguyễn Thị Phương Hoa - ThS. Đào Thị Hằng		6/2022	25.000.000	
15	Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	ThS. Nguyễn Thị Thu Hương - Chủ nhiệm - ThS. Đào Thị Hằng - ThS. Bùi Thị Minh Nhâm		6/2022	25.000.000	
16	Phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện cho người lao động trên địa bàn huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	ThS. Trần Thu Nga - Chủ nhiệm - ThS. Nguyễn Thị Thu Hà - ThS. Vũ Thị Hà - ThS. Phạm Thị Mị		6/2022	25.000.000	

17	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn bó với công việc của cán bộ, viên chức trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	ThS. Hoàng Thị Mậu - Chủ nhiệm - ThS. Dương Thị Trang - ThS. Vũ Thị Hòa - ThS. Hồ Thị Thanh Huyền - ThS. Lê Thị Hiền		6/2022	25.000.000	
18	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo tin học tại trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh	ThS. Phạm Thị Chanh - Chủ nhiệm - ThS. Vũ Thị Hòa - ThS. Trịnh Thu Trang - ThS. Phạm Thị Loan - ThS. Phạm Việt Phương		6/2022	25.000.000	
19	Nâng cao chất lượng đào tạo ngành kế toán, kiểm toán tại trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Chủ nhiệm - ThS. Trần Minh Huệ - ThS. Nguyễn Hải Hà - ThS. Trần Ngọc Lan - ThS. Đặng Thị Mai		6/2022	60.000.000	
20	Tác động của tỷ giá hối đoái thực đến xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2010-2020	TS. Nguyễn Quang Hiệp - Chủ nhiệm - TS. Nguyễn Huy Cường - ThS. Nguyễn Văn Thế ThS. Đỗ Thị Vui		6/2022	60.000.000	
21	Nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam	TS. Lê Minh Thu - Chủ nhiệm - ThS. Đỗ Thị Quỳnh Anh - ThS. Trương Thị Bích - ThS. Trần Thị Lương		6/2022	25.000.000	
22	Tổ chức công tác kế toán tại trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	ThS. Lê Thị Bình - Chủ nhiệm - ThS. Nguyễn Thị Ngoan - ThS. Nguyễn Thị Vân Thanh - ThS. Nguyễn Quyết		6/2022	25.000.000	
23	Phát triển kỹ năng thuyết trình tiếng Anh cho sinh viên trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh (Nghiên cứu thực nghiệm đối với	ThS. Hoàng Thị Hương Giang - Chủ nhiệm - ThS. Đặng Thị Hiền - ThS. Lê Thị Mùi Hà - ThS. Đinh Thị Luyện - ThS. Nguyễn Thị Thảo		5/2022	25.000.000	

	sinh viên năm thứ 3)				
24	Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	TS. Nguyễn Thị Thúy - Chủ nhiệm - ThS. Trần Thị Tuyết Nhung - ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung		6/2022	25.000.000
25	Tăng cường hoạt động hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp tại trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	ThS. Bùi Văn Bằng - Chủ nhiệm - ThS. Kim Thị Hạnh - CN. Trần Hiền Nhân		6/2022	25.000.000
26	Phát triển văn hóa đọc cho sinh viên trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	ThS. Lương Thu Thủy - Chủ nhiệm - CN. Đỗ Thị Tiểu Lưu - CN. Đoàn Thị Lâm - CN. Nguyễn Thị Thảo - CN. Trần Thị Thanh Bình		6/2022	25.000.000
27	Tăng cường hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh	ThS. Đặng Hoài Nam - Chủ nhiệm - ThS. Phạm Khánh Tùng - Chủ nhiệm - ThS. Vũ Đăng Dũng - ThS. Đỗ Mạnh Tuấn - ThS. Nguyễn Văn Sự		6/2022	25.000.000

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

BIỂU MẪU 19
Công khai thông tin cơ sở vật chất
của Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh
Năm học 2022-2023

(Kèm theo Thông báo số **763**/TB-DHTCQTKD ngày **25** tháng **10** năm 2022)

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	208.000	208.000		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	18.816	18.816		

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	0						
2	Phòng thực hành	10		GV, SV	698	x		
3	Xưởng thực tập							
4	Nhà tập đa năng	1		CB.GV, SV	610	x		
5	Hội trường	2		CB.GV, SV	1420	x		
6	Phòng học	58		GV, SV	5804	x		
7	Phòng học đa phương tiện							
8	Thư viện	2		CB.GV, SV	449	x		
9	Trung tâm học liệu							
10	Các phòng chức năng khác			CB.GV, SV	3893	x		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	2
2	Số chỗ ngồi đọc	200
3	Số máy tính thư viện	60
4	Số lượng bản sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (bản sách, tạp chí)	22.338
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	0

D. Diện tích đất/sinh viên, diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/ sinh viên	70,7 m ²
2	Diện tích sàn/ sinh viên	6,4 m ²

HIỆU TRƯỞNG 

TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

BIỂU MẪU 20
Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu
Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh
Năm học 2022-2023

(Kèm theo Thông báo số 763 /TB-ĐHTCQTKD ngày 25 tháng 10 năm 2022)

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	192		1	20	173	0	165	49	1
1	<i>Giảng viên cơ hữu theo ngành</i>	138		1	19	119	0	102	35	1
a	Khối ngành I									
b	Khối ngành II									
c	Khối ngành III	127	0	1	17	110	0	95	31	1
d	Khối ngành IV									
e	Khối ngành V									
f	Khối ngành VI									
g	Khối ngành VII	11	0	0	2	9	0	7	4	0
2	<i>Giảng viên cơ hữu môn chung</i>	54	0	0	1	53	0	40	14	0

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
	Khối ngành I					
	Khối ngành II					
	Khối ngành III					
1	Lê Minh Hạnh	1981	Nữ		TS	Ngành KDQT
2	Trương Thị Thanh Loan	1982	Nữ		ThS	Ngành KDQT
3	Đinh Thị Thu Huyền	1989	Nữ		ThS	Ngành KDQT
4	Trương Thị Tuyết Nhung	1988	Nữ		ThS	Ngành KDQT
5	Vũ Ngọc Loan	1989	Nữ		ThS	Ngành KDQT
6	Đoàn Thị Huệ	1988	Nữ		ThS	Ngành KDQT
7	Nguyễn Thị Ngọc Anh	1988	Nữ		ThS	Ngành KDQT
8	Đỗ Văn Dũng	1982	Nam		ThS	Ngành KDQT
9	Phạm Minh Đức	1971	Nam		ThS	Ngành KDQT
10	Phạm Ngọc Thảo	1975	Nam		ThS	Ngành Kế toán
11	Nguyễn Hải Hà	1979	Nam		ThS	Ngành Kế toán
12	Lê Hồng Kỳ	1974	Nam		ThS	Ngành Kế toán
13	Phạm Thu Hương	1981	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
14	Nguyễn Thanh Huyền	1983	Nữ		TS	Ngành Kế toán
15	Nguyễn Thị Hải	1981	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
16	Trịnh Thị Thu Hà	1981	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
17	Trần Đức Hùng	1976	Nam		ThS	Ngành Kế toán
18	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1988	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
19	Dương Thị Thiều	1978	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
20	Bùi Thị Vân	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
21	Trịnh Thị Diệp	1984	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
22	Trần Thị Lua	1982	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
23	Nguyễn Thị Kim Dung	1984	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
24	Trần Minh Huệ	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
25	Đoàn Thị Phương	1985	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
26	Nguyễn Thị Thu	1985	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
27	Nguyễn Đức Phong	1984	Nam		ThS	Ngành Kế toán

Biểu mẫu 20
(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
28	Lê Thị Bình	1987	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
29	Nguyễn Phương Hạnh	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
30	Nguyễn Thị Đào	1981	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
31	Đỗ Thị Loan	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
32	Vũ Thị Thảo	1988	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
33	Nguyễn Thị Ngọc	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
34	Lê Thị Ngọc Ánh	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
35	Nguyễn Thị Hương	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
36	Đoàn Thị Hồng Thịnh	1990	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
37	Nguyễn Thị Ngoan	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
38	Đào Thị Hằng	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
39	Phạm Thị Thu Hương	1990	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
40	Phạm Thị Hậu	1988	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
41	Cao Thị Hằng	1990	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
42	Trần Ngân Hà	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
43	Nguyễn Thị Huyền	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
44	Nguyễn Thị Phương Hoa	1990	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
45	Nguyễn Thị Thanh Hà	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
46	Nguyễn Thanh Bình	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
47	Nguyễn Thị Hải Hường	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
48	Vũ Mai Phương	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
49	Nguyễn Thị Vân Thanh	1991	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
50	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	1984	Nữ		TS	Ngành Kiểm toán
51	Đào Vân Anh	1978	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
52	Trịnh Thị Thu Hòa	1987	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
53	Nguyễn Thị Minh Tâm	1989	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
54	Lê Thị Loan	1990	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
55	Đặng Thị Mai	1991	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
56	Trần Ngọc Lan	1990	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
57	Bùi Minh Đức	1984	Nam		ThS	Ngành QTKD
58	Đào Văn Tú	1974	Nam		TS	Ngành QTKD
59	Nguyễn Quang Hiệp	1981	Nam		TS	Ngành QTKD

Biểu mẫu 20
(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
60	Đỗ Tiến Tới	1980	Nam		TS	Ngành QTKD
61	Kim Thị Hạnh	1975	Nữ		ThS	Ngành QTKD
62	Đỗ Thị Nhài	1982	Nữ		ThS	Ngành QTKD
63	Nguyễn Thị Thủy	1979	Nữ		ThS	Ngành QTKD
64	Bùi Thị Minh Phương	1982	Nữ		ThS	Ngành QTKD
65	Phạm Linh Chi	1984	Nữ		ThS	Ngành QTKD
66	Nguyễn Thị Ngát	1985	Nữ		ThS	Ngành QTKD
67	Nguyễn Thị Thu Linh	1987	Nữ		ThS	Ngành QTKD
68	Nguyễn Thị Hồng Thúy	1984	Nữ		ThS	Ngành QTKD
69	Vũ Thị Thắng	1982	Nữ		ThS	Ngành QTKD
70	Trịnh Thị Hồng Thái	1990	Nữ		ThS	Ngành QTKD
71	Đỗ Đức Minh	1958	Nam	PGS	TS	Ngành TCNH
72	Lê Tuấn Hiệp	1978	Nam		TS	Ngành TCNH
73	Vũ Văn Hoàng	1976	Nam		ThS	Ngành Kế toán
74	Hồ Ngọc Hà	1963	Nam		ThS	Ngành TCNH
75	Nguyễn Văn Chương	1971	Nam		ThS	Ngành Kế toán
76	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	1983	Nữ		ThS	Ngành TCNH
77	Nguyễn Thị Bích Diệp	1982	Nữ		TS	Ngành TCNH
78	Trương Thị Đức Giang	1978	Nữ		TS	Ngành TCNH
79	Nguyễn Thị Thu Hà	1968	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
80	Nguyễn Thị Liên	1976	Nữ		TS	Ngành TCNH
81	Lê Minh Thu	1982	Nữ		ThS	Ngành TCNH
82	Trương Thị Bích	1982	Nữ		ThS	Ngành TCNH
83	Lương Thị Dinh	1978	Nữ		ThS	Ngành TCNH
84	Bùi Thị Thanh Huyền	1984	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
85	Vũ Thị Thùy Dung	1987	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
86	Trần Thu Nga	1988	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
87	Quản Thị Thu Huyền	1987	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
88	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1988	Nữ		ThS	Ngành TCNH
89	Phạm Thị Mị	1989	Nữ		ThS	Ngành TCNH
90	Phạm Thị Mai Huyền	1989	Nữ		ThS	Ngành TCNH
91	Phạm Hồng Hạnh	1987	Nữ		ThS	Ngành TCNH

Biểu mẫu 20
(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
92	Đỗ Thị Tuyết Mai	1984	Nữ		ThS	Ngành TCNH
93	Luyện Thùy Dung	1990	Nữ		ThS	Ngành TCNH
94	Trần Thị Thanh Vân	1990	Nữ		ThS	Ngành TCNH
95	Nguyễn Văn Thê	1990	Nam		ThS	Ngành TCNH
96	Nguyễn Hữu Quý	1986	Nam		ThS	Ngành TCNH
97	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1986	Nữ		ThS	Ngành TCNH
98	Bùi Tiến Thịnh	1990	Nam		ThS	Ngành TCNH
99	Đỗ Thị Quỳnh Anh	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
100	Bùi Thị Yên	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
101	Lê Thị Hằng	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
102	Vũ Thị Hà	1989	Nữ		ThS	Ngành TCNH
103	Hoàng Thị Duyên	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
104	Hoàng Thị Duyên	1980	Nữ		ThS	Ngành TCNH
105	Trần Thị Lương	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
106	Trần Đình Thắng	1974	Nam		ThS	Ngành TCNH
107	Phạm Văn Toàn	1982	Nam		ThS	Ngành QTKD
108	Đỗ Minh Ngọc	1981	Nam		ThS	Ngành QTKD
109	Dương Thị Trang	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
110	Hoàng Thị Mậu	1989	Nữ		ThS	Ngành TCNH
111	Nguyễn Minh Nhật	1991	Nam		ThS	Ngành TCNH
112	Hồ Thị Thanh Huyền	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
113	Đỗ Thị Hoan	1981	Nữ		TS	Ngành KDQT
114	Nguyễn Huy Cường	1975	Nam		TS	Ngành HTTTQL
115	Trần Thị Kim Oanh	1983	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
116	Đỗ Minh Nam	1979	Nam		ThS	Ngành HTTTQL
117	Đỗ Huy Cảnh	1975	Nam		ThS	Ngành HTTTQL
118	Đỗ Thị Kim Chi	1980	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
119	Nguyễn Thị Thu Hương	1979	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
120	Vũ Thị Liên	1987	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
121	Phạm Anh Tuấn	1980	Nam		ThS	Ngành HTTTQL
122	Cao Thị Tho	1985	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
123	Đỗ Thị Vui	1988	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
124	Phạm Việt Phương	1989	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
125	Phạm Thị Chanh	1988	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
126	Trịnh Thu Trang	1989	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
127	Vũ Thị Hòa	1989	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
	Khối ngành IV					
	Khối ngành V					
	Khối ngành VI					
	Khối ngành VII					
128	Nguyễn Trọng Nghĩa	1964	Nam		TS	Ngành Kinh tế
129	Đỗ Thị Minh Nhâm	1979	Nữ		TS	Ngành Kinh tế
130	Đỗ Văn Lương	1976	Nam		ThS	Ngành Kinh tế
131	Lê Thị Thu Hà	1984	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
132	Hoàng Thị Nhung	1979	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
133	Nguyễn Thị Thùy Linh	1987	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
134	Đào Thị Hồng Xiêm	1986	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
135	Đỗ Thị Huyền Thanh	1990	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
136	Lê Ngọc Thơm	1991	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
137	Phan Thúy Nga	1990	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
138	Nguyễn Đức Trung	1990	Nam		ThS	Ngành Kinh tế
	GV các môn chung					
139	Vũ Đăng Dũng	1977	Nam		ThS	Môn chung
140	Nguyễn Mạnh Hùng	1979	Nam		ThS	Môn chung
141	Nguyễn Văn Sự	1965	Nam		ThS	Môn chung
142	Phạm Khánh Tùng	1981	Nam		ThS	Môn chung
143	Đặng Hoài Nam	1989	Nam		ThS	Môn chung
144	Đỗ Mạnh Tuấn	1992	Nam		ThS	Môn chung
145	Nguyễn Việt Hưng	1978	Nam		ThS	Môn chung
146	Nguyễn Thị Bích Anh	1985	Nữ		ThS	Môn chung
147	Bùi Văn Bằng	1973	Nam		ThS	Môn chung
148	Kiều Thị Hồng Hạnh	1976	Nữ		ThS	Môn chung
149	Phạm Thị Lý	1980	Nữ		ThS	Môn chung
150	Vũ Thị Phương Thảo	1975	Nữ		ThS	Môn chung
151	Ngô Thị An	1988	Nữ		ThS	Môn chung
152	Đỗ Thu Hương	1985	Nữ		ThS	Môn chung
153	Trần Thị Lý	1986	Nữ		ThS	Môn chung
154	Tô Xuân Hải	1989	Nam		ThS	Môn chung
155	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1987	Nữ		ThS	Môn chung

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
156	Đinh Thị Kim Nhung	1978	Nữ		ThS	Môn chung
157	Đoàn Thanh Sơn	1979	Nam		ThS	Môn chung
158	Trần Thị Bích Thục	1975	Nữ		ThS	Môn chung
159	Đỗ Văn Quân	1980	Nam		ThS	Môn chung
160	Lê Thị Hiền	1988	Nữ		ThS	Môn chung
161	Phạm Thị Loan	1989	Nữ		ThS	Môn chung
162	Đoàn Thị Linh	1989	Nữ		ThS	Môn chung
163	Nguyễn Thị Thu Hường	1976	Nữ		ThS	Môn chung
164	Nguyễn Thị Thuý	1979	Nữ		TS	Môn chung
165	Đào Thị Hằng	1989	Nữ		ThS	Môn chung
166	Nguyễn Thị Thùy Dung	1983	Nữ		ThS	Môn chung
167	Phạm Thị Hường	1985	Nữ		ThS	Môn chung
168	Bùi Thị Nhung	1985	Nữ		ThS	Môn chung
169	Trần Thị Tuyết Nhung	1984	Nữ		ThS	Môn chung
170	Phan Thị Uyển	1984	Nữ		ThS	Môn chung
171	Đàm Thị Thanh Thủy	1988	Nữ		ThS	Môn chung
172	Dư Thị Tươi	1987	Nữ		ThS	Môn chung
173	Vũ Thị Trang	1989	Nữ		ThS	Môn chung
174	Lưu Thị Yến	1988	Nữ		ThS	Môn chung
175	Cao Thị Thu Hằng	1976	Nữ		ThS	Môn chung
176	Bùi Thị Minh Nhâm	1991	Nữ		ThS	Môn chung
177	Nguyễn Thị Hải Yến	1991	Nữ		ThS	Môn chung
178	Đào Thị Hồng Lam	1979	Nữ		ThS	Môn chung
179	Trần Thị Thu Trang	1978	Nữ		ThS	Môn chung
180	Đặng Thị Hiền	1978	Nữ		ThS	Môn chung
181	Nguyễn Thị Vân	1983	Nữ		ThS	Môn chung
182	Hoàng Văn Thắng	1983	Nam		ThS	Môn chung
183	Lê Thị Mùi Hà	1979	Nữ		ThS	Môn chung
184	Quản Thị Hoàng Anh	1980	Nữ		ThS	Môn chung
185	Hoàng Thị Hương Giang	1976	Nữ		ThS	Môn chung
186	Nguyễn Thị Thảo	1989	Nữ		ThS	Môn chung
187	Đinh Thị Luyện	1990	Nữ		ThS	Môn chung
188	Hồ Thị Tam	1979	Nữ		ThS	Môn chung
189	Ninh Thị Yến	1988	Nữ		ThS	Môn chung
190	Đặng Thị Phượng	1991	Nữ		ThS	Môn chung
191	Lê Thị Thanh	1991	Nữ		ThS	Môn chung
192	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	1992	Nữ		ThS	Môn chung

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

STT	Khối ngành	Tỷ lệ sinh viên/ giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	19.08
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	2.82

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

BIỂU MẪU 21
Công khai tài chính của Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh
Năm học 2022-2023

(Kèm theo Thông báo số 763 /TB-DHTCQTKD ngày 25 tháng 10 năm 2022)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/ 1SV/ năm	Dự kiến học phí/ 1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy, chương trình đại trà			
1	Thạc sĩ			
	Khối ngành III	Triệu đồng/ năm	18.75	
2	Đại học			
	Khối ngành III	Triệu đồng/ năm	12.5	
	Khối ngành VII	Triệu đồng/ năm		
II	Học phí hình thức vừa làm vừa học			
1	Đại học			
	Khối ngành III	Triệu đồng/năm	18.75	
III	Tổng thu năm 2022		Dự toán giao	Dự kiến
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	38,143	38,143
2	Từ học phí	Tỷ đồng	28,5	28,5
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ	Tỷ đồng	0	0
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	5,55	5,55

TÀI HIỆU TRƯỞNG 

TS. Nguyễn Trọng Nghĩa